



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU  
VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM



# MỤC LỤC

## PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
2. Một số chỉ tiêu chính
3. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
4. Giải thưởng, sự kiện nổi bật 2022

## THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Giới thiệu ban lãnh đạo
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG

### NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn CSH

## BÁO CÁO CỦA BAN TGD

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

## BÁO CÁO CỦA HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Chiến lược định hướng 2023

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Thành viên độc lập HĐQT và Ủy ban kiểm toán
3. Giao dịch của người nội bộ với người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty
4. Lương, thưởng thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc
5. Đánh giá việc thực hiện các định về quản trị công ty

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Trách nhiệm với môi trường
2. Chế độ đối với người lao động

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo kiểm toán độc lập
2. Bảng cân đối kế toán
3. Báo cáo kết quả kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

# 01 PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Một số chỉ tiêu chính

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Giải thưởng, sự kiện nổi bật 2022



# THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tại Việt Nam, dịch Covid-19 được kiểm soát, tiến độ tiêm vắc xin Covid-19 tiếp tục được đẩy nhanh đảm bảo an toàn, khoa học và hiệu quả. Mặc dù trước làn sóng kinh tế-xã hội khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, lần đầu tiên quy mô GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. Ước tính GDP năm nay tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 - 2022. Chỉ số giá tiêu dùng cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Ngành thực phẩm đồ uống trong năm 2022 có nhiều triển vọng với mức tăng trưởng mạnh mẽ hậu dịch Covid-19 đối với các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty nói riêng. Các đợt phong tỏa và giãn cách đã kết thúc, do đó nguồn lao động, nguyên vật liệu, chuỗi cung ứng... đã được khai thông và trở lại hoạt động bình thường. Từ đó, làm tăng năng lực sản xuất của doanh nghiệp, mặt khác làm tăng nhu cầu tiêu thụ đồ uống cả thị trường nội địa và

thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, đây cũng là giai đoạn được đánh giá là mở ra nhiều triển vọng và cơ hội phát triển cho ngành thực phẩm và đồ uống Việt Nam. Theo nhiều nghiên cứu gần đây, tâm lý người dân về việc nâng cao sức đề kháng, phòng chống bệnh tật đã khiến cho nhu cầu đối với mặt hàng dinh dưỡng và các sản phẩm hỗ trợ điều trị triệu chứng hậu Covid-19 tăng hẳn lên so với trước. Những nhóm sản phẩm tốt cho sức khỏe được làm từ thiên nhiên nay đã trở thành thức uống gần gũi với người tiêu dùng hơn, do đó, các sản phẩm thực phẩm - đồ uống tăng cường sức đề kháng, xanh sạch và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng được ưu tiên lựa chọn, hứa hẹn sẽ là một thị trường tăng trưởng khả quan trong dài hạn.

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh và xuất khẩu của Công ty trong năm qua cũng gặp nhiều yếu tố thuận lợi cũng như khó khăn. Tuy nhiên, với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên đã chung sức đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh đáng ghi nhận trong năm 2022: doanh thu thuần đạt 265 tỷ đồng, tăng 15,04% so với năm 2021, lợi nhuận sau

thuế đạt xấp xỉ 1.500 triệu đồng.

Bước sang năm 2023, nền kinh tế toàn cầu mặc dù sẽ gặp những khó khăn, biến động lớn nhưng dự kiến sẽ bước đầu kiểm soát được khủng hoảng và lạm phát. World Bank dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 là 6,3%. Đây là mức dự báo tăng trưởng cao thứ 2 trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trong bối cảnh tỷ trọng dân số Việt Nam là dân số trẻ, có mức thu nhập ngày càng tăng, xu hướng phát triển ngành thực phẩm - đồ uống đến năm 2023 được dự báo là: Các dòng sản phẩm tốt cho sức khỏe, tăng cường hệ miễn dịch sẽ tiếp tục là xu hướng phát triển chính. Người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang tiêu thụ đồ uống có giá trị cao hơn khi nhận thức về sức khỏe ngày càng được quan tâm. Ngoài ra, các kênh phân phối trực tuyến trên các nền tảng thương mại điện tử ngày càng trở nên phổ biến và đang dần thay thế các kênh truyền thống.

Trước những cơ hội và thách thức phát sinh từ môi trường kinh doanh, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục ổn định và duy trì hoạt động kinh doanh cốt lõi là xuất khẩu dược liệu. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục tập trung ưu tiên đầu tư

phát triển lĩnh vực đồ uống từ thảo dược bằng cách: mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế để tăng doanh thu; đẩy mạnh nghiên cứu nâng cao chất lượng các sản phẩm thảo dược; thiết kế bao bì sáng tạo, nhãn hiệu sản phẩm thân thiện với môi trường; phát triển mạng lưới kênh phân phối truyền thống và hiện đại.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành cam kết sẽ phấn đấu hết mình vì sự nghiệp phát triển bền vững của VHE. Thay mặt Hội đồng quản trị, Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin yêu, đồng hành và chia sẻ của Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác; cảm ơn tập thể người lao động đã nỗ lực cống hiến hết mình trong suốt thời gian qua. Chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ quý báu của Quý vị để chúng ta có thể cùng vững bước trên con đường phát triển của Công ty, nâng tầm thương hiệu và gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý Cổ đông, Khách hàng, đối tác và toàn thể người lao động.

Xin chân thành cảm ơn!



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
Bùi Tiên Vinh

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Dược Liệu và Thực phẩm Việt Nam.

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm và tâm huyết cùng đồng hành với VHE trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2022, kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong

bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức to lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cuộc xung đột Nga - Ukraine tiếp tục khuấy đảo thị trường năng lượng và thực phẩm. Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến khó lường. Tổ chức y tế thế giới tiếp tục cảnh báo về sự lưu hành hơn 500 biến thể phụ của Omicron.

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần	triệu đồng	121.939	230.643	265.324
Giá vốn hàng bán	triệu đồng	113.054	197.316	254.103
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	1.063	2.698	1.857
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	828	1.976	1.431
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Tổng tài sản	triệu đồng	233.076	397.239	380.618
Nợ phải trả	triệu đồng	68.893	73.626	48.163
Vốn chủ sở hữu	triệu đồng	164.183	323.613	332.456
<b>Chỉ tiêu khả năng sinh lời</b>				
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	0,41	0,63	0,37
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	0,60	0,81	0,44
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,68	0,82	0,54
<b>Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu</b>				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	cổ phiếu	15.839.996	31.639.996	33.139.996
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	87	116	125

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 và 2022)



**TỔNG DOANH THU THUẦN NĂM 2022**

**230.643**

Triệu đồng



**LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2022**

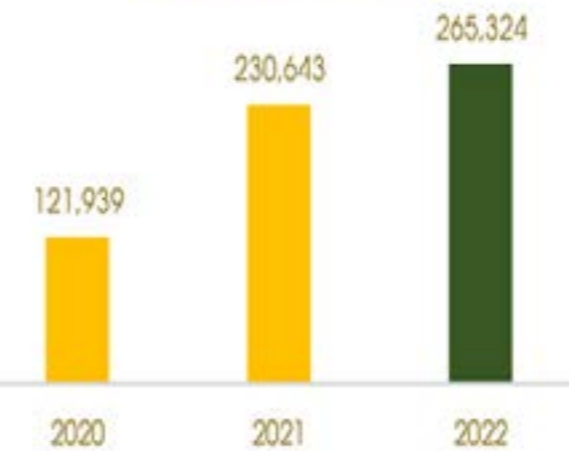
**2.118**

Triệu đồng

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH TIÊU BIỂU

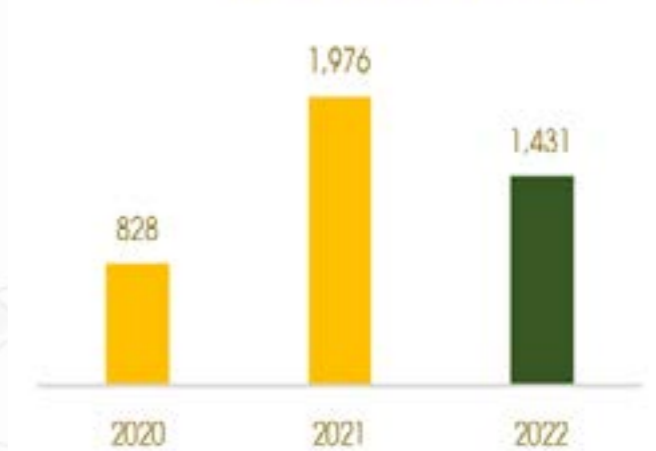
**Doanh thu thuần 2020-2022**

(Đơn vị tính: triệu đồng)

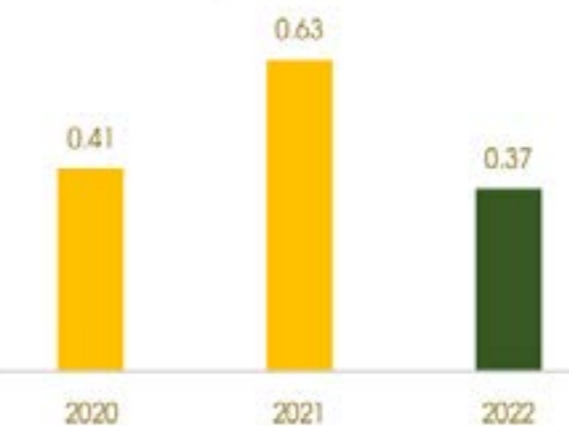


**Lợi nhuận sau thuế 2020-2022**

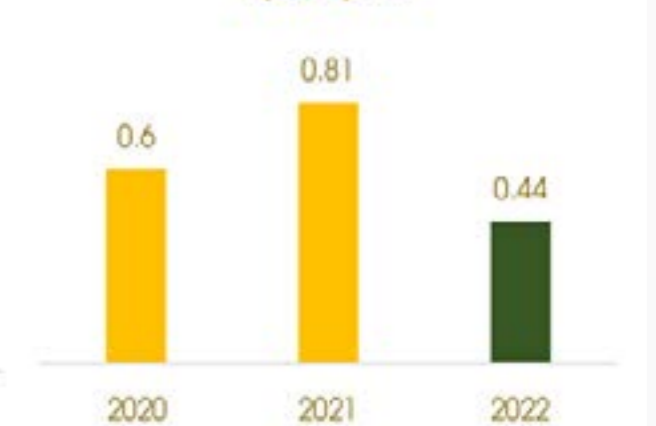
(Đơn vị tính: triệu đồng)



**Thu nhập trên tổng tài sản (ROA) %**



**Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE) %**



## GIẢI THƯỞNG, SỰ KIẾN NỔI BẬT 2022

### TÂM NHÌN

Trở thành biểu tượng niềm tin hàng đầu Việt Nam về các sản phẩm nguồn gốc thảo dược phục vụ sức khỏe người tiêu dùng.

### SỨ MỆNH

Mang giá trị hữu ích của thảo dược Việt Nam cho sức khỏe cộng đồng một cách tốt và tự nhiên nhất.

### Chiến lược kinh doanh

Phát triển theo mô hình Eco herbal. Đến năm 2025 hoàn thiện từ khâu Trồng nguyên liệu - Khai thác - Chế biến Thành phẩm - Phân phối - Giải pháp môi trường.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### Triết lý kinh doanh

- Trao đi lợi ích để nhận lại giá trị. Tất cả đều tốt hơn với Wewell.
- Trách nhiệm xã hội: Cam kết đóng góp cho việc phát triển cộng đồng.

- **Chia sẻ:** Chia sẻ để phát triển
- **Tiên phong:** Sáng tạo, ứng dụng các công nghệ và tri thức mới
- **Chính trực:** Liêm chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch
- **Tôn trọng:** Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức
- **Tuân thủ:** Tuân thủ Luật pháp, Bộ Quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty
- **Trách nhiệm:** Cam kết và thực hiện cam kết với xã hội, cổ đông, khách hàng và người lao động trên nguyên tắc đồng lợi

Nghiên cứu sản phẩm Nước uống Sâm fansipan là sản phẩm chiết xuất từ củ Sâm đất đặc sản của Lào Cai. Có tác dụng nhuận tràng, mát gan, bổ sung nước thanh lọc cơ thể, làm đẹp da, giảm cân nay đã được chế biến và trở thành nguyên liệu quan trọng trong ngành công nghiệp đồ uống bổ dưỡng.

Do đặc thù của cây Sâm Fansipan này là một loại cây có mùa vụ. Thời điểm thu hoạch từ 10-12 dương lịch hàng năm. Các cách chế biến và bảo quản thông thường chỉ được 2-3 tháng. Trăn trở với việc đưa một sản phẩm từ nguồn nguyên liệu Sâm Fansipan đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước, đội ngũ các chuyên viên nghiên cứu phát triển công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam (Vinaherbfoods., JSC) đã áp dụng khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến hiện đại để cho ra đời sản phẩm Thực phẩm bổ sung Nước uống Sâm Fansipan. Sản phẩm có thành phần chính là Sâm Fansipan (20%) kết với với các thảo mộc như Cát căn, Đảng sâm, Sâm dứa để hỗ trợ tạo nên một sản phẩm thức uống thơm ngon, mát bổ và tăng cường sức khỏe.



# 02 THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CHUNG

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC

KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO



## THÔNG TIN CHUNG

<b>Tên giao dịch</b>	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
<b>Tên tiếng anh</b>	Vietnam Herbs and Foods Joint Stock Company
<b>Tên viết tắt</b>	VINAHERBFOODS.,JSC
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số</b>	0107409148 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 04 năm 2016
<b>Địa chỉ</b>	Số 277 đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
<b>Số điện thoại</b>	(84.24) 3381 6999
<b>Số fax</b>	(84.24) 3599 0555
<b>Website</b>	<a href="http://www.vinaherbfoods.com/">http://www.vinaherbfoods.com/</a>
<b>Logo</b>	
<b>Slogan</b>	WEWELL - we are all wewell - Chúng ta cùng khỏe

MÃ CỔ PHIẾU	VỐN ĐIỀU LỆ	VỐN ĐẦU TƯ
<b>VHE</b>	<b>331,4 tỷ đồng</b>	<b>331,4 tỷ đồng</b>

VINAHERBFOODS., JSC là một doanh nghiệp được kế thừa từ truyền thống của gia đình kinh doanh trong lĩnh vực dược liệu, gia vị, nông sản với bề dày nhiều năm kinh nghiệm và cố chuyên môn trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu dược liệu.

Công ty thành lập và chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy đăng ký doanh nghiệp mã số 0107409148 do Sở kế hoạch và đầu tư với vốn điều lệ 20 tỷ đồng, trụ sở chính xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.





# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Xuất khẩu nông sản, dược liệu

Đây là lĩnh vực hoạt động chính của Công ty từ khi thành lập đến nay. Công ty xuất khẩu các nguyên liệu đã được sơ chế như hoa hồi, thảo quả, quế, hạt tiêu qua các thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Parkistan, Mianma.

Công ty thu mua nông sản nguyên liệu ngành dược như quế, hồi, thảo quả trực tiếp từ người dân tại các vùng nguyên liệu như: Yên Bái, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Lạng Sơn, Hà Giang. Sau khi thu gom về kho, hàng hóa sẽ được sơ chế và phân loại qua các khâu sau: Rửa nguyên liệu - Phơi khô - Phân loại, cắt, chế nguyên liệu - Đóng gói - Xuất khẩu qua các thị trường Hàn Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Parkistan, Mianma,...

Đối với mặt hàng hồ tiêu: Công ty mua thương mại qua các Công ty Hoàng Gia Luân, Công ty Mỹ Lệ, Công ty Liên Thành, Công ty Gia vị Việt Nam, Công ty sẽ ký hợp đồng mua hàng hóa với các công ty và hàng hóa sẽ được xuất khẩu trực tiếp từ Kho nhà cung cấp theo đúng tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu.

Năm 2018 công ty đã hoàn thành và đưa dây chuyền sản xuất nước uống thảo dược vào hoạt động, sản xuất 3 loại sản phẩm: Nước uống thảo dược thổ phục linh, nước uống thảo dược đinh lăng, nước uống thảo dược hương quế. Lĩnh vực hoạt động này của công ty đã bắt đầu có doanh thu từ quý 3/2018. Đến năm 2020, danh mục các sản phẩm đã có thêm sự xuất hiện của 3 loại nước uống đóng lon là: **Wewell Kool, Wewell Yongchi, Wewell NoniQ**. Đến năm 2021, Công ty cho ra mắt thêm sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe **Wewell Maxfit** dạng gói.

Nguyên vật liệu đầu vào đạt tiêu chuẩn sản xuất được đưa vào hệ thống chiết xuất tinh chất. Qua đó, các tinh chất sẽ đến hệ thống trộn đồng nhất. Sau khi kết thúc quá trình trộn đồng nhất, bán thành phẩm sẽ được kiểm tra chất lượng; quá trình kiểm nghiệm đạt yêu cầu bán thành phẩm chuyển tiếp qua thiết bị đồng hóa và đi vào khâu chiết rót đóng chai. Khi quá trình đóng chai kết thúc, toàn bộ chai nước bán thành phẩm sẽ được tiệt trùng ở nhiệt độ 121 độ C. Sau đó, sản phẩm chạy qua dây chuyền dán nhãn và in hạn sử dụng. Bộ phận kiểm tra chất lượng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra. Cuối cùng, sản phẩm đạt chất lượng sẽ được đóng hộp và nhập kho thành phẩm.

## Sản xuất nước uống thảo dược

## Địa bàn kinh doanh



### VIỆT NAM

Thành phố Hà Nội  
Thành phố Hồ Chí Minh

### CHÂU Á

Hàn Quốc  
Đài Loan  
Trung Quốc  
Ấn Độ  
Bangladesh  
Parkistan  
Mianma

# Các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh chính

## DƯỢC LIỆU



**QUẾ**



**HỒI**



**THẢO QUẢ**



**HỒ TIÊU**

## THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE ĐÓNG GÓI

**MAXFIT**



## THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI



**THỔ PHỤC LINH**



**HƯƠNG QUẾ**



**ĐÌNH LĂNG**

## THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE NƯỚC UỐNG ĐÓNG LON



**Wewell Kool**



**Wewell NoniQ**



**Wewell Yongchi**

## THỰC PHẨM BỔ SUNG DẠNG NƯỚC UỐNG



**SÂM FANSIPAN**

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông Bùi Tiến Vinh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 07/03/1977

**Trình độ chuyên môn:** Đại học

**Số cổ phần sở hữu:** 1.420.000 cổ phần tương ứng 4,285% VDL

#### Quá trình công tác:

- 04/2009 - 03/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tiến Thành

- 04/2016 - 06/2020: Phó Giám đốc - Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tiến Thành.  
Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ Phần Dược Liệu và Thực Phẩm Việt Nam

- 06/2020 - nay:  
Phó Giám đốc - Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Tiến Thành.  
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

### Ông Nguyễn Thế Hùng

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 27/04/1985

**Trình độ chuyên môn:** Đại học

**Số cổ phần sở hữu:** 515.000 cổ phần tương ứng 1,554% VDL

#### Quá trình công tác:

- 07/2009 - 03/2017:  
Cán bộ - Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đan Phượng (nay là văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội-chi nhánh huyện Đan Phượng)

- 04/2017 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

### Ông Trần Nhật Thành

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 05/11/1997

**Trình độ chuyên môn:** Đại học

**Số cổ phần sở hữu:** 1.150.000 cổ phần tương ứng 3,36% VDL

#### Quá trình công tác:

- 06/2019 - 06/2020: Công tác tại Trung tâm tiếp nhận hồ sơ xin thị thực VFS Global

- 07/2020 - 04/2021: Công tác tại Công ty dịch vụ vận chuyển USCOM Logistics

- 05/2021 - 07/2021: Công tác tại Công ty TNHH dịch vụ vận chuyển CJ Logistic

- 08/2021 - 04/2022: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- 04/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

### Ông Nguyễn Đình Công

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

**Năm sinh:** 02/11/1988

**Trình độ chuyên môn:** Đại học

**Số cổ phần sở hữu:** 3.600 cổ phần tương ứng 0,01% VDL

#### Quá trình công tác:

- 04/2019 - 06/2020: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập - Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- 06/2020 - 04/2021: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Thành viên Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- 04/2021 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch của Ủy ban kiểm toán

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH tiếp nhận quốc tế BP

## Ông Nguyễn Tài Đức

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập  
kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán

**Năm sinh:** 10/05/1975

**Trình độ chuyên môn :** 12/12

**Số cổ phần sở hữu:** 0 cổ phần  
tương ứng 0% VDL

### Quá trình công tác:

- 04/2019 - 06/2020: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập - Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- 06/2020 - 04/2021: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Trưởng ban Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- 04/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Thành viên Ủy ban kiểm toán - Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám Đốc Công ty cổ phần Nội thất Tân Gia

## Ủy ban Kiểm toán (Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Đình Công      Chủ tịch

Ông Nguyễn Tài Đức      Thành viên

## Ban điều hành (Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Thế Hùng      Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Ánh      Kế toán trưởng



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam được thành lập với khát vọng phát triển những tinh túy từ thảo dược quý của Việt Nam, nhằm mang đến những sản phẩm tốt, an toàn và chất lượng nhất cho sức khỏe người Việt. Chiến lược phát triển này hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển của ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống trong những năm tới, khi người tiêu dùng ngày càng quan tâm tới sức khỏe nhiều hơn và chú ý hơn trong việc lựa chọn các sản phẩm tốt cho sức khỏe, nâng cao sức đề kháng và hệ miễn dịch.

## Kế hoạch thực hiện mục tiêu

Tập trung nghiên cứu, phát triển sản phẩm nước uống thảo dược nhằm đa dạng chủng loại và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất và quản lý.

Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu nguyên liệu ngành dược sang các thị trường nước ngoài, tìm thêm cơ hội xuất khẩu nước uống đóng chai sang các nước Đông Nam Á.

## Mục tiêu chiến lược 2021 - 2025

- **2021-2022:** Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 kéo dài khiến cho người dân quan tâm tới sức khỏe nhiều hơn, Ban lãnh đạo VHE đặt ra định hướng Công ty cần phải đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm tăng độ hiện diện sản phẩm đến tất cả mọi người lấy "Wewell - we are all wewell - chúng ta cùng khỏe" làm slogan trung tâm. Bên cạnh đó, Công ty đang từng bước dịch chuyển định hướng kinh doanh để đưa hoạt động kinh doanh online chiếm vị trí chủ đạo.

- **2023:** Công ty tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, đưa vào hoạt động thêm dây chuyền chiết xuất nước thảo dược dạng lon với công suất 10.000 lon/giờ.

- **2025:** Tập trung củng cố gia tăng giá trị cốt lõi, duy trì và tạo dựng vị thế doanh nghiệp trong lĩnh vực sản phẩm xanh, sản xuất sạch từ thảo dược. Phát triển thị phần trong nước về hoạt chất ngành dược, thực phẩm chức năng, thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

# CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế



Là một công ty sản xuất kinh doanh thực phẩm đồ uống lại chọn thị trường ngách là các sản phẩm làm từ thảo dược còn khá kén người mua nên nhìn chung, thị trường tiêu thụ và kết quả hoạt động của Công ty phụ thuộc lớn vào khả năng chi tiêu của người dân cũng như dễ bị tác động bởi các biến động kinh tế trong và ngoài nước.

Tình trạng lạm phát tăng cao, USD lên giá cộng hưởng với tình trạng gián đoạn, đứt gãy nguồn cung kéo dài khiến chi phí nhập khẩu tăng lên, từ đó ảnh hưởng đến sản xuất trong nước. Mặc dù GDP năm 2022 của Việt Nam tăng trưởng vượt bậc so với các năm trước tăng 8.02% nhưng vẫn còn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro. Dù tốc độ hồi phục kinh tế tại Việt Nam vẫn được đánh giá tích cực bởi nhiều định chế tài chính lớn trên thế giới như IMF hay World Bank nhưng chi tiêu của người dân tiếp tục cho thấy sự thận trọng. Trong bối cảnh dịch bệnh và các biến chứng sau dịch bệnh còn kéo dài, người tiêu dùng thường quan tâm lựa chọn những sản phẩm được xem là thiết yếu hoặc những sản phẩm phổ biến, quen thuộc hơn là thử nghiệm những sản phẩm mới hoặc ít phổ biến hơn.

Bên cạnh đó, do tham gia vào hoạt động xuất khẩu nên Công ty còn đối diện với các rủi ro bất ổn kinh tế tại các thị trường xuất khẩu chính. Các nút thắt trong chuỗi cung ứng đang hiện hữu và khó có thể được giải quyết sớm cũng sẽ ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động của Công ty khi làm gián đoạn

quá trình vận chuyển, kéo dài thời gian giao hàng và gia tăng chi phí quản lý cho Doanh nghiệp.

Bước sang năm 2023 với dự báo nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá còn nhiều dư địa phát triển bởi khi bối cảnh càng phức tạp, khó khăn thì yêu cầu trao đổi, phối hợp và thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế càng có ý nghĩa đặc biệt. Mức tăng trưởng năm 2023 của Việt Nam dự đoán có thể vượt mục tiêu 6,5% mà Chính phủ và Quốc hội đề ra. Để đạt được mục tiêu này, cần có sự hỗ trợ từ các quyết sách phù hợp, kịp thời của Chính phủ và tính năng động, sáng tạo của các doanh nghiệp, người dân. Yếu tố kinh tế vĩ mô ổn định, kinh tế hồi phục và tăng trưởng sẽ là nền tảng quan trọng giúp thúc đẩy sự phát triển của ngành thực phẩm đồ uống nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng.

### Tăng trưởng GDP giai đoạn 2014-2022 và kế hoạch 2023



## Rủi ro tỷ giá



Công ty chịu rủi ro tỷ giá khi có sự biến động của tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng bất lợi đến (1) việc ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản, khoản vay hoặc các giao dịch có phát sinh bằng ngoại tệ cũng như ảnh hưởng bất lợi đến (2) dòng tiền tương lai phát sinh từ những khoản mục này. Hiện nay, rủi ro tỷ giá của Công ty phát sinh chủ yếu từ các nguồn thu ngoại tệ thông qua hoạt động xuất khẩu nguyên liệu ngành

dược. Để giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Công ty giao Phụ trách kế toán theo sát diễn biến tỷ giá trên thị trường, từ đó cân đối các khoản thu - chi bằng ngoại tệ hoặc sử dụng các công cụ tài chính thích hợp để giảm thiểu rủi ro.

## Rủi ro thị trường



Rủi ro hàng giả, hàng nhái: Hiện nay, hiện tượng hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm đang trở thành một thực tế đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp dược có hoạt động sản xuất kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh trên thị trường. Mặc dù Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa sản xuất trong nước nhưng hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng phổ biến và tinh vi trên thị trường. Vấn đề hàng nhái, hàng giả, hàng

nhập lậu gây thiệt hại rất lớn tới lợi ích và uy tín của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong ngành dược vì các sản phẩm dược phẩm nhái giả và nhập lậu kém chất lượng đe dọa trực tiếp tới sức khỏe và tính mạng của người sử dụng.



## Rủi ro tín dụng và dòng tiền



Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty.

Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn

cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.

## Rủi ro đặc thù ngành



**Đối với mặt hàng nông lâm sản, dược liệu xuất khẩu:** Đối với hàng hóa là nông lâm sản, dược liệu, đặc thù các nguyên liệu này dễ bị hao hụt tự nhiên trong quá trình lưu kho. Việc để tồn kho lâu mang lại rủi ro tỷ lệ hao hụt tự nhiên lớn, dẫn đến hàng có thể bị kém chất lượng. Dịch Covid-19 bùng phát khiến cho hoạt động vận chuyển gặp nhiều khó khăn, nhu cầu thị trường giảm sút.

**Đối với mặt hàng nước uống đóng chai từ thảo dược:** Nước uống đóng chai từ thảo

dược thiên nhiên là một loại hàng hoá đặc biệt liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành là khá cao so với các ngành công nghiệp khác trên thế giới, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Công ty luôn cố gắng nắm bắt xu hướng phát triển bền vững cũng như thị hiếu và nhu cầu của khách hàng để đưa ra các chiến lược, hoạt động kinh doanh phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng các kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế rủi ro về hàng tồn kho.

## Rủi ro pháp luật



Ngành thực phẩm đồ uống là một trong những ngành chịu nhiều tác động bởi sự quản lý của Nhà nước. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn chất lượng. Chỉ có các doanh nghiệp đáp ứng được những tiêu chuẩn mới có thể tồn tại kinh doanh và phát triển. Những quy định này sẽ khiến các công ty thực phẩm nhỏ lẻ tại Việt Nam sáp nhập hoặc mua lại, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao, tập trung phát triển theo chiều sâu để có thể cạnh tranh với các công ty đa quốc gia. Bên cạnh đó, là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, cổ

phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, nên Công ty phải đảm bảo tuân thủ các quy định trong Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định liên quan đến quản trị công ty khác. Luật và các văn bản thi hành luật mới được ban hành với nhiều quy định thay đổi sẽ ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## Rủi ro khác



Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho tài sản và các sản phẩm

hàng hóa, lắp đặt các hệ thống báo cháy, tập huấn nhân viên phòng cháy, chữa cháy và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

## Rủi ro dịch bệnh



Dịch bệnh sẽ ảnh hưởng tới việc tiếp cận khách hàng, ảnh hưởng về dòng tiền và nhân công của doanh nghiệp. Chuỗi cung ứng của nhiều doanh nghiệp đã bị gián đoạn. Một số doanh nghiệp còn bị ảnh hưởng tới các vấn đề khác, từ giảm đơn

hàng, giảm sản lượng, phải trì hoãn, gián đoạn đầu tư thậm chí huỷ dự án đang hoặc sẽ thực hiện.



# 03

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ

SỞ HỮU



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



## Tổng quan nền kinh tế Việt Nam

Năm 2022, hoạt động kinh tế nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức. Các nền kinh tế hàng đầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, tổng cầu suy giảm tác động đến hoạt động thương mại quốc tế của nước ta. Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ; sự ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế-xã hội nước ta đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Cụ thể, theo số liệu của Tổng cục thống kê và Tổng cục hải quan:

- Mặc dù các nền kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường nhưng với sự quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế thì Việt Nam đã gặt hái những kết quả to lớn và đáng khích lệ. Mức tăng trưởng kinh tế tương đương với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%) so với năm trước và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022
- Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.
- Tính cả năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 730,28 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm trước. Trong đó, trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% (tương ứng tăng 35,14 tỷ USD) và nhập khẩu đạt 358,9 tỷ USD, tăng 7,9% (tương ứng tăng 26,14 tỷ USD).

## Triển vọng ngành đồ uống thực phẩm

Trend Hunter dự đoán năm 2023 sẽ là thời kỳ triển vọng khi mọi người bù đắp khoảng thời gian đã mất trong đại dịch. Thị trường ngày càng sẽ cho ra mắt những sản phẩm mới, có nhiều cơ hội cung cấp các loại đồ uống giúp hỗ trợ sức khỏe tinh thần. Theo Precedence Research, thị trường đồ uống chức năng toàn cầu trị giá 129,3 tỷ USD có thể tăng trưởng với tốc độ CAGR 8,94% từ năm 2022 đến năm 2030. Đặc biệt, thị trường Châu Á Thái Bình Dương sẽ tiếp tục dẫn đầu thế giới về tăng trưởng trong đó có Việt Nam.

## Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.939	230.643	265.324
Giá vốn bán hàng	113.054	197.316	254.103
Lợi nhuận gộp	8.885	33.327	11.222
Doanh thu hoạt động tài chính	27	110	74
Chi phí tài chính	5.058	5.294	4.319
Chi phí bán hàng	4.056	22.305	1.350
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.161	2.936	3.556
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	-3.364	2.902	2.072
Thu nhập khác	4.554	20	73
Chi phí khác	128	224	288
Lợi nhuận trước thuế	1.063	2.698	1.857
Lợi nhuận sau thuế	424	1.976	1.431

**Bảng 1. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 - 2022 (đơn vị: triệu đồng)**

## Kết quả thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	KH năm 2022	TH năm 2022	TH 2022/ KH 2022 (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	265.000	265.324	100,12
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.000	1.431,25	47,71

**Bảng 2. Kết quả kinh doanh năm 2022 so với kế hoạch (đơn vị: triệu đồng)**

Năm 2022, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 265.324 triệu đồng, tăng 15,04% so với năm trước cho thấy hoạt động bán hàng của Công ty mang lại hiệu quả mặc dù nền kinh tế thế giới và trong nước có sự bất ổn và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Theo đó, doanh thu thực hiện vượt mức kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.431,25 triệu đồng, tương ứng với 47,71% so với kế hoạch, giảm 27,58% so với năm 2021. Như vậy, dù doanh thu tăng so với năm 2021 nhưng do giá vốn bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Công ty chưa đem lại kết quả cao. Một số yếu tố chính có ảnh hưởng lên kết quả hoạt động của Công ty như sau:

- Thị trường tiêu thụ hồi phục tốt ở tất cả các mảng hoạt động kinh doanh chính tác động tích cực đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu tăng chủ yếu từ bán nông sản (quế và hồi), chiếm đến hơn 90% doanh thu từ bán hàng nông sản. Trong năm 2022, doanh thu bán nông sản đạt 243.091 triệu đồng tăng 14,80% so với năm 2021 tuy nhiên giá bán cuối năm trên thị trường bị giảm do cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt nên biên lợi nhuận của hàng nông sản giảm.

- Doanh thu từ bán nước uống thảo dược đạt 21.626 triệu đồng tăng 16,36% so với năm 2021.

- Bên cạnh đó, sản phẩm túi phù hợp với phương thức bán hàng online trong thời kỳ dịch Covid-19 đã đóng góp hơn 6.78 tỷ đồng tương ứng 2,56% trong tổng doanh thu của cả Công ty.

- Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác đóng góp không đáng kể trong nguồn thu, đạt 74 triệu đồng, tương ứng 0,05% doanh thu thuần. Nguyên nhân doanh hoạt động tài chính giảm chủ yếu là do lãi tiền gửi, tiền cho vay giảm mạnh.

- Giá vốn hàng bán năm 2022 đạt 254.103 triệu đồng tăng 28,78% so với năm 2021 nguyên nhân do tác động của thị trường thế giới, lạm phát đang tăng cao làm giá của nguyên liệu đầu vào tăng. Không những thế việc giá xăng dầu tăng sẽ kéo theo chi phí logistics, nguyên phụ liệu và vận hành nhà máy,... đều tăng thêm. Cụ thể:

- Giá vốn bán nông sản đạt 238.926 triệu đồng khi năm 2021 chỉ đạt 181.992 triệu đồng tăng tương ứng với tỷ lệ 31,28%.

- Giá vốn bán vật liệu, gia công cũng tăng đạt 594 triệu đồng tương ứng 2,65% so với năm 2021.

- Chi phí bán hàng giảm mạnh do hoạt động quảng cáo, marketing đã không đạt hiệu quả như kỳ vọng trong năm 2022. Chính vì thế, Công ty đã thay đổi

chính sách bán hàng bằng cách chiết khấu trực tiếp vào giá bán cho đại lý và nhà phân phối.

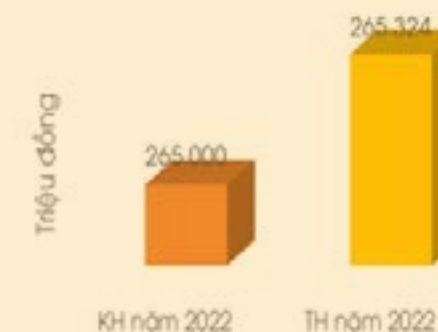
- Việc chiết khấu thương mại là chính sách phù hợp cho đến thời điểm hiện tại do thị trường sau đại dịch đã ổn định trở lại, các đại lý, nhà phân phối mở cửa giao thương, qua đó đã góp phần làm doanh thu năm 2022 tăng so với năm trước.

- Theo đó, chi phí bán hàng giảm mạnh đạt 1.350 triệu đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm lần lượt là 93,95% và 66,72% so với năm 2021 và năm 2020. Mảng chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng 0,5% trong tổng doanh thu (tỷ trọng tương ứng trong 2021: 9,7% và trong 2020: 3,3%). Nguyên nhân là do để phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19 thì trước đó công ty đã đẩy mạnh hoạt động quảng cáo, marketing online nhưng chính sách này không mang lại hiệu quả cao cho thời gian sau đó. Vì vậy, Công ty đã thay đổi kế hoạch kinh doanh để phù hợp với thị trường hiện tại hơn.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 3.556 triệu đồng tương ứng với tốc độ tăng 21,12% so với năm 2021 do công ty đang cơ cấu lại hệ thống nhân sự để tăng hiệu quả.

- Chi phí tài chính và chi phí khác tổng cộng đạt 4.607 triệu đồng, chiếm 1,74% trong tổng doanh thu (tỷ trọng tương ứng trong 2021: 2,39% và trong 2020: 4,25%)

### Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ



### Lợi nhuận sau thuế



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Những thay đổi của Ban Điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh tại Công ty (trước thay đổi)	Chức danh tại Công ty (sau thay đổi)	Lý do thay đổi	Hiệu lực	Ghi chú
<b>I Thay đổi trong Hội đồng quản trị</b>						
1	Phạm Công Thành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính	Không	Miễn nhiệm	20/06/2022	Theo Nghị quyết hợp ĐHCĐ số 2604/2022/NQ-ĐHCĐ/VHE ngày 26/04/2022;
2	Lê Thị Mai	Thành viên HĐQT	Không	Miễn nhiệm	26/04/2022	Theo Nghị quyết hợp ĐHCĐ số 2604/2022/NQ-ĐHCĐ/VHE ngày 26/04/2022
3	Trần Nhật Thành	Nhân viên	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm	26/04/2022	Theo Nghị quyết hợp ĐHCĐ số 2604/2022/NQ-ĐHCĐ/VHE ngày 26/04/2022
<b>II Thay đổi trong Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị: Không</b>						
<b>III Thay đổi trong Ban điều hành</b>						
1	Phạm Công Thành	Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng	Không	Miễn nhiệm	20/06/2022	Theo Nghị quyết hợp ĐHCĐ số 2004/2021-NQ/HĐQT ngày 20/04/2021
2	Phạm Thị Ánh	Nhân viên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm	20/06/2022	Theo Nghị quyết hợp ĐHCĐ số 2004/2021-NQ/HĐQT ngày 20/04/2021

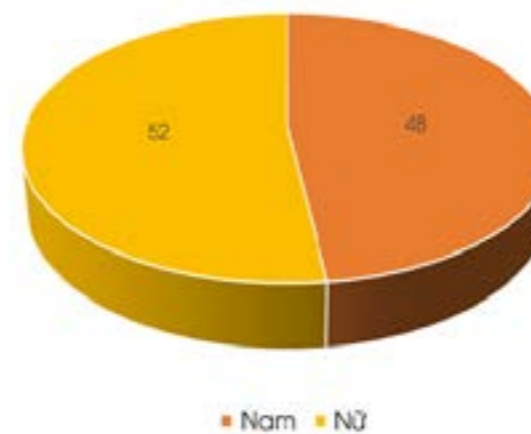
## Nhân sự và chính sách nhân sự

### - Cơ cấu nhân sự

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Tiêu chí	31/12/2020		31/12/2021		31/12/2022	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động						
1	Trình độ Đại học	20	44	15	56	27	56
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	0	0	2	7	10	21
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật			2	7		
4	Lao động phổ thông	25	56	8	30	11	23
III	Theo giới tính						
1	Nam	20	44	14	52	23	48
2	Nữ	25	56	13	48	25	52
<b>Tổng cộng</b>		<b>45</b>	<b>100</b>	<b>27</b>	<b>100</b>	<b>48</b>	<b>100</b>

Cơ cấu lao động theo giới tính (%)



Cơ cấu lao động theo trình độ lao động (%)



## - Chính sách đối với người lao động

**Chính sách đãi ngộ, phúc lợi:** Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, trả thưởng rất linh hoạt theo hình thức chấm điểm hay dựa trên các yếu tố: Hiệu quả công việc và gắn liền với trách nhiệm của các cá nhân. Nguyên tắc này khắc phục được tình trạng phân phối bình quân, giúp đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công việc trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích được người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, tạo đà nâng cao hiệu suất làm việc.

Ngoài chế độ khen thưởng bằng tiền, Công ty còn khen thưởng dưới hình thức tham quan du lịch trong và ngoài nước, để vừa động viên người lao động, vừa tạo ra sự gắn bó của người lao động với Công ty. Công ty tổ chức tặng quà cho CBCNV vào những dịp Lễ, Tết, Ngày phụ nữ Việt Nam, Ngày Quốc tế Phụ nữ.

Mặc dù, trong bối cảnh tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn đảm bảo tạo đầy đủ việc làm và thu nhập cho người lao động. Trong giao đoạn 2018-2022, thu nhập bình quân của người lao động đều tăng dần qua các năm.

### **-Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên:**

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### **-Chính sách phúc lợi khác:**

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với CBCNV, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Năm	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
-----	----------	----------	----------	----------	----------

Thu nhập bình quân của người lao động	5.861.469	6.000.000	6.571.429	10.000.000	10.930.872
---------------------------------------	-----------	-----------	-----------	------------	------------

**Bảng 3. Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đơn vị: đồng/ tháng)**



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch (%)
Tổng tài sản	Triệu đồng	397.239	380.618	-4,18
Doanh thu thuần	Triệu đồng	230.643	265.324	15,04
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	2.902	2.072	-28,60
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-204	-215	5,39
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.698	1.857	-31,17
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.976	1.431	-27,58

Các chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021	2022
--------------	-----	------	------	------

### 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	2,60	4,77	7,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,42	0,34	0,38

### 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/ tổng tài sản	%	29,56	18,53	12,65
Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	%	41,96	22,75	14,49

### 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho	vòng	0,98	0,90	0,84
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,60	0,73	0,68

### 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Biên lợi nhuận gộp	%	7,29	14,45	4,23
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	-2,76	1,26	0,78
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	0,35	0,86	0,54
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH (ROE)	%	0,52	0,81	0,44
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS (ROA)	%	0,21	0,63	0,37

## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Trong năm 2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán có sự cải thiện rõ rệt. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành thường xuyên được duy trì trên ngưỡng tiêu chuẩn là 1 và có xu hướng tăng trong giai đoạn 3 năm gần nhất, đạt mức cao là 7,18 lần trong năm 2022 cho thấy Công ty hoàn toàn có khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn bằng các tài sản có khả năng chuyển đổi thành tiền trong vòng 12 tháng tới. Nguyên nhân hệ số thanh toán hiện hành tăng mạnh là do tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn chậm hơn tốc độ giảm của nợ ngắn hạn. Trong năm 2021, các chỉ tiêu này lần lượt giảm 2,97% và 35,56% so với năm 2021. Bên cạnh đó, cần lưu ý là tài sản

ngắn hạn của Công ty được cấu thành phần lớn bởi hàng tồn kho (thường chiếm từ 80% - trên 90% tài sản ngắn hạn) - nhóm tài sản có tính thanh khoản thấp nhất trong các tài sản lưu động nên sẽ tốn nhiều thời gian và chi phí để chuyển đổi thành tiền mặt. Do khả năng thanh toán trong ngắn hạn phụ thuộc lớn vào tốc độ luân chuyển hàng tồn kho nên hệ số thanh toán nhanh của Công ty thường thấp hơn đáng kể so với hệ số thanh toán hiện hành, chỉ đạt 0,38 lần trong năm 2022 và tăng nhẹ so với 2021.

## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn là các hệ số Nợ/ Tổng tài sản và hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt đạt 12,65% và 14,49%. Các hệ số có xu hướng giảm dần qua từng năm chủ yếu do Doanh nghiệp chủ động tăng cường huy động vốn thông qua hoạt động phát hành cổ phiếu để tài trợ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây. Trong tháng 09/2022, doanh nghiệp đã tiến hành huy động vốn từ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty thành công thêm 15 tỷ đồng. Việc lựa chọn sử dụng nguồn vốn chủ để tài trợ cho các tài sản sẽ giúp doanh nghiệp tự chủ về mặt tài chính, chủ động, linh

hoạt, ít rủi ro hơn trong bối cảnh hoạt động kinh doanh có nhiều biến động, đặc biệt lãi suất cho vay đang tăng khá mạnh trong năm qua. Trong thời gian tới, Công ty cũng có thể cân nhắc đến việc sử dụng đòn bẩy tài chính một cách linh hoạt khi cần và nếu điều kiện mặt bằng lãi suất thích hợp.

## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Trong giai đoạn 2020-2022, vòng quay hàng tồn kho liên tục sụt giảm, đạt 0,84 vòng trong năm 2022 so với 0,90 vòng trong năm 2020 và 0,98 vòng trong năm 2019 do tốc độ tăng của doanh thu thấp hơn tốc độ gia tăng của giá trị hàng tồn kho bởi doanh nghiệp dựa vào nguồn vốn huy động để nhập lương hàng tồn kho đảm bảo trong giai đoạn thị trường thế giới và trong nước có tính bất ổn cao, mặc dù lượng hàng tồn kho lớn nhưng doanh nghiệp không có hàng ứ đọng, chậm luân chuyển. Trong năm 2021, trị giá hàng tồn kho bình quân tăng 38,23% yoy, đạt 303.606 triệu đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng chậm hơn ở mức

28,78% yoy, đã khiến kỳ luân chuyển hàng tồn kho của Công ty tăng từ 406 lên 436 ngày. Bên cạnh đó, hệ số Doanh thu thuần/ Tổng tài sản có sự sụt giảm trong năm vừa qua, đạt 0,68 vòng so với 0,73 vòng trong năm 2021 và 0,60 vòng trong năm 2020. Nguyên nhân là do tốc độ tăng của doanh thu thuần của Công ty giảm so với năm ngoài, nguyên nhân do doanh nghiệp huy động nguồn lực để trả một phần nợ vay do chính sách thắt chặt tiền tệ cho thấy sự khó khăn của Công ty trong xu thế thị trường thế giới và trong nước đang gặp những vấn đề bất ổn và rủi ro.

## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Nhìn chung, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời năm 2022 đều giảm so với năm 2021. Do hoạt động xuất khẩu thảo dược có biên lợi nhuận thấp, gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng bởi các rủi ro ở thị trường quốc tế như lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, xung đột Nga - Ukraine xảy ra làm gián đoạn địa chính trị toàn cầu mà hoạt động kinh doanh của Công ty lại phụ thuộc nhiều vào thị trường nước ngoài. Công ty đã tập trung nguồn lực để gia nhập thị trường sản

xuất và kinh doanh nước uống thảo dược. Tuy nhiên, đây là mảng kinh doanh cạnh tranh rất khốc liệt, do chủng loại sản phẩm đa dạng, trên thị trường có nhiều doanh nghiệp lớn với thương hiệu và sản phẩm đã có chỗ đứng trong lòng người tiêu dùng, có tiềm lực tài chính mạnh và lợi thế về quy mô. Vì vậy, VHE gặp phải rất nhiều khó khăn trong quá trình xuất khẩu, xây dựng kênh phân phối đưa sản phẩm tới tay người tiêu dùng. .

## Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Cổ phần

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	VHE
Mệnh giá chứng khoán	10.000 đồng/ cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu	33.140.000 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	31.139.996 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	4 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	31.640.000 cổ phiếu

Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng 1.500.000 cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông

Bảng cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt quyền ngày 20/09/2022)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ VDL (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0,00%
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	0	0,00%
3	Công đoàn công ty	-	0,00%
4	Cổ phiếu quỹ	4	0,00%
5	Cổ đông khác	33.139.996	99,99%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>33.140.000</b>	<b>100,00%</b>
Trong đó: - Tổ chức		22.908	0,07%
- Cá nhân		33.117.092	99,93%
- Trong nước		33.140.000	100,00%
- Nước ngoài		0	0,00%



Danh sách cổ đông lớn: Không có

### **Thay đổi vốn đầu tư CSH**

Tháng 09/2022, Công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty với tổng số cổ phiếu phát hành thành công là 15.000.000 cổ phiếu. Vốn điều lệ sau đợt phát hành đạt 331.400.000.000 đồng.

<b>Thời gian</b>	<b>Vốn điều lệ trước thay đổi</b>	<b>Vốn điều lệ sau thay đổi</b>	<b>Hình thức tăng vốn</b>
15/09/2022	316.400.000.000	331.400.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty
06/12/2021	158.400.000.000	316.400.000.000	Phát hành riêng lẻ
23/12/2020	105.600.000.000	158.400.000.000	Phát hành riêng lẻ
05/11/2020	88.000.000.000	105.600.000.000	Phát hành CP trả cổ tức
18/12/2017	22.000.000.000	88.000.000.000	Phát hành riêng lẻ
2016		22.000.000.000	Vốn ban đầu khi trở thành CTCP

### **Giao dịch cổ phiếu quỹ**

Trong năm 2022, Công ty không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ

### **Các chứng khoán khác**

Không





# 04

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá chung tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý

Kế hoạch phát triển tương lai



# ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



**NĂM 2022 LÀ NĂM CHUYỂN MÌNH ĐẦY BIẾN ĐỘNG VỚI NHIỀU CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CẢ NGÀNH THỰC PHẨM VÀ VHE.**

### Những thuận lợi:

Năm 2022, mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam GDP đạt 409 tỷ USD tăng 8.02% so với năm trước. Năng suất lao động năm 2022 tăng 4.8% so với năm trước, trình độ của người lao động được cải thiện. Dịch bệnh Covid-19 dần được kiểm soát, thị trường nước ngoài mở cửa, bên cạnh đó Nghị quyết số 43/2022/

QH15 về các chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH được Quốc hội thông qua Đây là những quyết sách có ý nghĩa lớn tháo gỡ các vướng mắc đầu tư, sản xuất kinh doanh, xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược, tạo sức lan tỏa, thúc đẩy phục hồi và phát triển KT-XH.

### Những khó khăn:

Trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn đang diễn ra trên toàn thế giới, cuộc chiến Nga - Ukraine vẫn hết sức căng thẳng, các lệnh trừng phạt của Mỹ và các nước phương tây đối với Nga cùng với đó là các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 của Trung Quốc đã làm cho

chuỗi cung ứng bị gián đoạn giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu sản xuất, đặc biệt là giá xăng dầu tăng cao ảnh hưởng tới hoạt động Sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân.

## Vinaherbfoods cần

Ban lãnh đạo Công ty phải chủ động đối phó với mọi tình huống, đặc biệt là những khó khăn, thách thức mới phát sinh.

Hiện nay Cuộc chiến Nga - Ukraine vẫn khiến cho Thị trường xuất khẩu nhiều biến động sẽ ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực xuất khẩu nông lâm sản, dược liệu của Công ty.

## Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2022

**“ Trong bối cảnh thị trường hết sức khó khăn, Ban tổng giám đốc xác định giữ vững sứ mệnh: Mang giá trị hữu ích của thảo dược Việt Nam cho sức khỏe cộng đồng một cách tự nhiên nhất. Đồng thời phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đủ năng lực để cùng tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2022”**

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% Tăng giảm năm 2022/2021
1	Tổng tài sản	380,618,387,036	397,238,830,285	(4.18)
2	Vốn chủ sở hữu	332,455,772,354	323,612,522,791	2.73
3	Doanh thu thuần	265,324,468,432	230,642,776,851	15.04
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,071,709,628	2,901,760,618	(28.61)
5	Lợi nhuận khác	-214,650,426	-203,759,854	5.34
6	Lợi nhuận trước thuế	1,857,059,202	2,698,000,764	(31.17)
7	Lợi nhuận sau thuế	1,431,249,563	1,976,258,558	(27.58)

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022)

Doanh thu thuần năm 2022 tăng so năm trước 15.04% là do:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 15.04% do doanh thu bán hàng nông sản tăng 14,80% Sản phẩm túi phù hợp với phương thức bán hàng online trong thời kỳ dịch Covid -19 đã đóng góp hơn 6.78 tỷ đồng tương ứng 2.56% trong tổng doanh thu của cả Công ty.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 giảm 27,58% so với năm 2021 nguyên nhân là do:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 15,04% do do dịch bệnh Covid 19 được kiểm soát thị trường dần mở cửa trở lại nhưng chưa khôi phục hoàn toàn.

Doanh thu tăng nhưng giá vốn tăng cao hơn lên mức 28,78% do giá cả nguyên liệu đầu vào tăng theo biến động của thị trường.

Chi phí bán hàng hàng giảm mạnh 93,95% so với năm 2021, do công ty thay vì đầu tư lớn vào quảng cáo và Marketing như trước mà chuyển sang chiết khấu trực tiếp vào giá bán cho đại lý và nhà phân phối. Từ đó tăng sản lượng hàng bán ra, đáp ứng yêu cầu hiện tại của thị trường. Chi phí quản lý tăng 21,12% do do công ty đang cơ cấu lại hệ thống nhân sự để tăng hiệu quả.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

	2021	Thay đổi		2020		Thay đổi	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		318.794	83,76	328.549	82,71	-9.755	-2,97
1 Tiền và các khoản tương đương tiền		145	0,05	10.212	3,11	-10.067	-98,58
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0	0,00	3.000	0,91	-3.000	-100,00
3 Các khoản phải thu ngắn hạn		15.876	4,98	8.050	2,45	7.826	97,22
4 Hàng tồn kho		301.990	94,73	305.222	92,90	-3.232	-1,06
5 Tài sản ngắn hạn khác		783	0,25	2.065	0,63	-1.282	-62,08
<b>II TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		61.825	16,24	68.690	17,29	-6.865	-9,99
1 Các khoản phải thu dài hạn		0	0,00	0	0,00	0	0,00
2 Tài sản cố định		61.616	99,66	68.445	99,64	-6.829	-9,98
3 Tài sản dài hạn khác		209	0,34	245	0,36	-36	-14,69
<b>III TỔNG TÀI SẢN</b>		380.618	100,00	397.239	100,00	-16.621	-4,18

Tổng tài sản của Công ty năm 2022 đạt 380.618 triệu đồng, giảm 4,18% so với năm 2021. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn giảm 2,97% đạt 318.794 triệu đồng, chiếm 83,76% tổng tài sản so với tỷ lệ tương ứng là 82,71% trong năm 2021. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 301.990 tỷ đồng, giảm 1,06% so với đầu năm, chiếm 94,73% trong tài sản ngắn hạn so với tỷ lệ tương ứng trong 2021 là 92,90%. Hàng tồn kho đạt tỷ trọng lớn là được cho là phù hợp đối với Công ty sản xuất thực phẩm như VHE.

Tài sản dài hạn của Công ty đạt 61.825 triệu đồng, giảm 9,9% so với một năm trước, chủ yếu do tài sản dài hạn giảm từ 245 triệu đồng tại thời điểm cuối năm 2021 xuống còn 209 triệu đồng trong năm 2022.

## Tình hình nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn của Công ty chủ yếu được cấu thành từ nguồn vốn chủ sở hữu. Cụ thể:

Tại thời điểm 31/12/2022, vốn chủ sở hữu đạt 332.456 triệu đồng, giảm 34,58% so với thời điểm cuối năm 2021. Vốn chủ sở hữu tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn và tăng lên trong cơ cấu nguồn vốn (từ 81,47% trong năm 2021 lên 87,35% trong năm 2022) chủ yếu do trong năm 2022 công ty đã thành công phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty với giá trị 15.000.000.000 đồng.

Tổng nợ vay tài chính của Công ty đạt 48.163 triệu đồng, giảm 34,58% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu đến từ các khoản nợ vay giảm, đặc biệt là các khoản vay ngắn hạn. Cụ thể, khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty giảm từ 65.373 triệu đồng trong năm 2021 xuống còn 37.877 triệu đồng vào năm 2022, giảm 42,06% so với năm 2021 và chiếm 85,35% trong Nợ ngắn hạn. Khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn đạt 3.785 triệu đồng, giảm 20,43% so với thời điểm cuối năm 2021, chiếm tỷ trọng toàn bộ Nợ dài hạn, và chiếm 16,5% cơ cấu nguồn vốn. Khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đạt 4,8 tỷ đồng, giảm 35,4% so với thời điểm cuối năm 2020, chiếm chỉ 1,2% trong cơ cấu nguồn vốn.

STT	Chỉ tiêu	2022		2021		Thay đổi	
		Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
I	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	48.163	12,65	73.626	18,53	-25.463	-34,58
1	Nợ ngắn hạn	44.378	92,14	68.870	93,54	-24.492	-35,56
1.1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	37.877	85,35	65.373	94,92	-27.496	-42,06
2	Nợ dài hạn	3.785	7,86	4.757	6,46	-972	-20,43
2.1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.785	100,00	4.757	100,00	-972	-20,43
II	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	332.456	87,35	323.613	81,47	8.843	2,73
1	Vốn chủ sở hữu	331.400	100,00	316.400	100,00	8.843	2,73
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu Vốn góp của chủ sở hữu	331.400	99,68	316.400	97,77	15.000	4,74
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.474	0,44	7.543	2,33	-6.069	-80,46
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	43	2,92	5.566	73,79	-5.523	-99,23
	- LNST chưa phân phối kỳ này	1.431	97,08	1.976	26,20	-545	-27,58
III	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	380.618	100,00	397.239	100,00	-16.621	-4,18

TỔNG TÀI SẢN

**380.618**

Triệu đồng

- 4,18% so với cùng kỳ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

**332.456**

Triệu đồng

- 34,58% so với cùng kỳ

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Triển vọng phát triển của ngành và mục tiêu năm 2023

- Cuộc chiến Nga-Ukraine đang rất căng thẳng, khi Ukraine khủng hoảng, nhiều nhà đầu tư sẽ đẩy nhanh hơn quá trình chuyển dịch, tìm đến nơi an toàn và Việt Nam đang được đánh giá là một điểm đến lý tưởng.
- Đại dịch Covid-19 đang bùng phát mạnh khiến cho Người tiêu dùng Việt Nam và thế giới càng chú trọng hơn tới vấn đề an toàn thực phẩm, sức khỏe và các vấn đề môi trường.
- Hoàn thành các chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh đã đặt ra.
- Đẩy mạnh kinh doanh online, thực hiện mục tiêu chuyển đổi số toàn bộ hệ thống Công ty để kiện toàn cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, nâng cao năng suất lao động.

### Kế hoạch phát triển trong năm 2023

- Căn cứ các kết quả đạt được trong năm 2022; xét tình hình kinh tế chính trị và đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến rất phức tạp, khó lường, Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

**“ Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là khoảng 280 tỷ đồng;  
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là khoảng 2 tỷ đồng;”**

### Giải pháp thực hiện của Ban Tổng giám đốc

Để đạt được các mục tiêu đã đề ra trong năm 2023, Ban tổng giám đốc sẽ tập trung triển khai một số biện pháp sau:

- Tinh gọn và tối ưu hóa hoạt động của hệ thống công ty thành viên, gắn thu nhập của CBCNV với hiệu quả và năng suất làm việc
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo môi trường làm việc tốt, gia tăng phúc lợi và các chế độ cho CBCNV Công ty.
- Đẩy mạnh mạng lưới bán hàng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ
- Quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp, quản lý công nợ giảm tối đa việc bị chiếm dụng vốn, quản lý hàng tồn kho, tăng vòng quay vốn để tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.



# 05

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động  
của công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban  
Tổng Giám đốc

Chiến lược phương hướng năm 2023

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022 vẫn tiếp tục là một năm sóng gió, vất vả nhiều thách thức đi cùng với cơ hội lớn. Tiếp nối những kết quả đã đạt được năm 2021, cùng với sự chỉ đạo sáng suốt quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đồng lòng nhất trí đoàn kết của tập thể CBCNV, được sự hỗ trợ và tin tưởng của các đối tác và Quý cổ đông, Công ty CP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

**Về kết quả kinh doanh,** Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đánh giá Công ty và Ban Tổng Giám Đốc đã lãnh đạo hết sức nhạy bén và linh hoạt. công ty thay vì đầu tư lớn vào quảng cáo và Marketing như trước mà chuyển sang

chiết khấu trực tiếp vào giá bán cho đại lý và nhà phân phối, Từ đó tăng sản lượng hàng bán ra, đáp ứng yêu cầu hiện tại của thị trường. Doanh thu năm 2022 đạt 265,38 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 1,43 tỷ đồng.



**Về ngành nghề hoạt động,** năm 2022 Công ty đã nghiên cứu thành công sản phẩm nước uống Sâm Fansipan và đã cho ra mắt thị trường vào tháng 1 năm 2023. Sâm Fansipan là sản phẩm mang đậm phong cách đặc sản vùng miền góp phần nâng cao giá trị văn hóa dân tộc.

tin gọn, hiệu quả. Ban lãnh đạo cũng quyết liệt triển khai mở rộng, điều chỉnh thị trường phù hợp với xu hướng toàn cầu, đồng thời đề ra các chính sách kiểm soát chặt chẽ nguyên liệu đầu vào để đảm bảo chất lượng xuất khẩu đầu ra và tìm kiếm khai thác thị trường nước uống thảo dược.

HĐQT đã có nhiều quyết sách để điều chỉnh, quy hoạch, sắp xếp lại bộ máy theo hướng

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu đề ra thông qua các cuộc họp được tổ chức. Hội đồng quản trị đánh giá rằng Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc triển khai và thực hiện tốt các Quyết định và nhiệm vụ do Hội đồng quản trị ban hành.

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc có đầy đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến các lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần

hợp tác tốt. Các thành viên liên tục trau dồi kỹ năng chuyên môn, tích cực tham gia các khóa đào tạo, cập nhật kiến thức và kỹ năng quản lý nhằm đảm bảo các kiến thức và kỹ năng cần thiết để gánh vác nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó.



# CHIẾN LƯỢC PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2023

## Định hướng hoạt động của Chủ tịch Hội đồng quản trị năm 2023

Năm 2023, Công ty phải tìm tòi, nghiên cứu để tạo ra các sản phẩm mang tính chất đặc sản vùng miền và khai thác đối tượng khách hàng riêng; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ.



Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro, đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính. Công ty cũng cần thiết lập bộ máy vận hành quy chuẩn, chuyên nghiệp, tuân thủ quy định pháp luật và linh hoạt trong hoạt động kinh doanh



Công ty đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng trong lĩnh vực xuất khẩu nguyên liệu ngành dược, đồng thời tiếp tục mở rộng bán hàng trực tuyến để phù hợp với xu hướng thế giới.



## Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023



Tăng trưởng doanh thu thuần lên 280 tỷ đồng, tăng trưởng lợi nhuận trước thuế lên khoảng 2 tỷ đồng.



Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý hệ thống thông qua: Chất lượng nhân lực; Ứng dụng các phần mềm quản lý tiên tiến; Nâng cao thu nhập CBNV và phát triển văn hóa công ty, tạo động lực làm việc.



Chú trọng thiết lập mạng thương mại điện tử để giải quyết có hiệu quả những vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.



Kiểm soát hiệu quả dòng tiền, tạo nguồn vốn tự có đủ đáp ứng cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh. Làm tốt công tác quan hệ với nhà đầu tư, duy trì hợp lý giá cổ phiếu VHE.



Chuẩn bị và tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông 2023.



Thường xuyên cập nhật những thông tin liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành, công tác nghiên cứu thị trường, tiếp thị sản phẩm, quy định của nước nhập khẩu hàng hóa của từng doanh nghiệp.



Thường xuyên tham gia các hoạt động kiểm tra và tập huấn về chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm. Tôn trọng và cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm và hỗ trợ cho các chương trình, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Xây dựng các chỉ tiêu chất lượng cho từng loại sản phẩm của doanh nghiệp



# 06

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

Hội đồng quản trị

Ủy ban kiểm toán

Lương, thưởng thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng giám đốc

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Giao dịch, hợp đồng của công ty với người có liên quan

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

---



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT		1.420.000	4,285%
2	Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	26/04/2016 (được tái bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 2021-2026 kể từ ngày 19/04/2021)	515.000	1,554%
3	Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên HĐQT		3.600	0,01%
4	Ông Nguyễn Tài Đức	Thành viên HĐQT		0	0
5	Ông Trần Nhật Thành	Thành viên HĐQT	26/04/2022, ngày bắt đầu nhiệm kỳ mới (2021-2026)	1.150.000	3,47%

### Các tiểu ban thuộc HĐQT: Ủy ban kiểm toán

### Cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Bùi Tiến Vinh	7/7	100%
2	Bà Lê Thị Mai	1/1	100%
3	Ông Phạm Công Thành	1/1	100%
4	Ông Nguyễn Thế Hùng	7/7	100%
5	Ông Nguyễn Tài Đức	7/7	100%
6	Ông Nguyễn Đình Công	7/7	100%
7	Ông Trần Nhật Thành	6/6	100%

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	0303/2022-NQ/HĐQT	03/03/2021	NQ về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
2	2006/2022-NQ/HĐQT	20/06/2022	NQ về việc thông qua việc từ nhiệm chức danh giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng, bổ nhiệm kế toán trưởng mới	100%
3	2806/2022-NQ/HĐQT	28/06/2022	NQ về việc thông qua quy chế, triển khai phương án ...ESOP năm 2022	100%
4	2507.02/2022-NQ/HĐQT	25/07/2022	NQ về việc thông qua sửa đổi, bổ sung triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022	100%
5	2507.01/2022-NQ/HĐQT	25/07/2022	NQ về việc thông qua việc đính chính tờ trình số 08/2022/TTr-ĐHĐCĐ	100%
6	3009/2022-NQ/HĐQT	30/09/2022	NQ về việc sửa đổi một số điều khoản tại Điều lệ Công ty, thực hiện thủ tục ĐKKD, đăng ký chứng khoán bổ sung và niêm yết bổ sung	100%
7	3011/2022-NQ/HĐQT	30/11/2022	NQ về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021	100%

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần dược liệu và thực phẩm Việt Nam ("Vinaherbfoods"), Quy chế Quản trị Vinaherbfoods, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Tổ chức giám sát việc thực hiện sản xuất kinh doanh của Vinaherbfoods.
- Chuẩn bị nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Vinaherbfoods
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

năm 2022 vào ngày 26/04/2022;

- Giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Giám Đốc trong hoạt động kinh doanh;
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;
- Giám sát hoạt động quản lý Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra;
- Chủ trì, chỉ đạo thành công khâu tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 vào ngày 31 tháng 08 năm 2021.

### Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc đưa ra các ý kiến đánh giá, đóng góp khách quan, hỗ trợ tốt cho Hội đồng quản trị trong việc giám sát việc ra các quyết định của Ban Tổng giám đốc và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh.

### Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị

**Công ty:** không có

## ỦY BAN KIỂM TOÁN

### Thành viên của Ủy ban kiểm toán

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên UBKT	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Đình Công	Chủ tịch UBKT	19/04/2021	3.600	0,01%
2	Ông Nguyễn Tài Đức	Thành viên UBKT		0	0,00%

### Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Tài Đức	5/5	100%	100%
2	Ông Nguyễn Đình Công	5/5	100%	100%

Trong năm 2022, Ủy ban kiểm toán nội bộ đã tổ chức 05 cuộc họp để giúp HĐQT thực hiện chức năng giám sát các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến dòng tiền cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Cuộc họp 1	31/03/2022	Tổng kết kết quả đạt được trong quý 1/2022, nội dung BCTC Quý 1/2022	100%
2	Cuộc họp 2	30/06/2022	Tổng kết kết quả đạt được trong quý 2/2022, nội dung BCTC Quý 2/2022	100%
3	Cuộc họp 3	30/09/2022	Tổng kết kết quả đạt được trong quý 3/2022, nội dung BCTC Quý 3/2022	100%
4	Cuộc họp 4	31/12/2022	Tổng kết kết quả đạt được trong quý 4/2022, nội dung BCTC Quý 4/2022	100%
5	Cuộc họp 5	04/02/2023	Tổng kết năm 2022, đánh giá rủi ro, bàn bạc thống nhất đưa ra kế hoạch năm 2023	100%

## Hoạt động giám sát Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty Vinaherbfoods, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, quy chế quản trị công ty, Ủy ban kiểm toán cần phải thực hiện được những công việc sau:

- Báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT, Cổ đông, hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu.
- Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong công ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty phải yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm. Đồng thời gửi thông báo tới HĐQT để HĐQT ra quyết định xử lý.
- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Xem sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty theo quyết định của HĐQT
- Kiến nghị HĐQT các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý của công ty.

## Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ủy ban kiểm toán thường xuyên nhận được sự phối hợp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trực thuộc Công ty. Được cung cấp kịp thời các thông tin, báo cáo, tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình hoạt động tài chính của Công ty để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và của Ban tổng giám đốc, tham gia ý kiến đóng góp xây dựng công tác tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, kế hoạch phát triển của Công ty nhằm điều chỉnh kịp thời những rủi ro để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả, đáp ứng quyền lợi của Cổ đông.
- Phối hợp thực hiện công tác kiểm soát đảm bảo tính minh bạch, trung thực và đưa ra các kiến nghị cảnh báo cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác quản lý hiệu quả, minh bạch nhằm hạn chế rủi ro, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Quá trình kiểm tra giám sát Ủy ban kiểm toán có thông báo đến HĐQT, Ban Tổng giám đốc về những tồn tại để kịp thời chỉ đạo thực hiện.

## Lương, thưởng thù lao và các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng giám đốc

STT	Tên	Chức vụ	Thu nhập 2022
<b>I. Hội đồng quản trị</b>			
1	Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	144.890.663
2	Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên HĐQT	180.276.216
3	Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên HĐQT độc lập	0
4	Ông Nguyễn Tài Đức	Thành viên HĐQT độc lập	0
5	Ông Trần Nhật Thành	Thành viên HĐQT	125.317.697
<b>II. Ban Điều hành</b>			
1	Ông Nguyễn Thế Hùng	Tổng giám đốc	180.276.216
2	Bà Phạm Thị Ánh	Kế toán trưởng	168.370.086
<b>III. Ủy ban kiểm toán</b>			
1	Ông Nguyễn Đình Công	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	0
2	Ông Nguyễn Tài Đức	Thành viên Ủy ban kiểm toán	0

(\* ) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng

## Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Mỗi quan hệ với người nội bộ	Số lượng cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do thay đổi
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
<b>I. Người nội bộ</b>							
1	Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	720.000	2,28%	1.420.000	4,29%	
2	Nguyễn Thế Hùng	Tổng giám đốc	0		515.000	1,55%	Theo chương trình ESOP 2022
3	Bùi Thị Hồng Dung	Người được ủy quyền CBTT	0		30.000	0,09%	
4	Phạm Thị Ánh	Kế toán trưởng	1.500	0,01%	31.500	0,10%	
<b>II. Người có liên quan của Người nội bộ: Không có</b>							

(\*) Tỷ lệ được tính dựa trên số cổ phiếu đang lưu hành trước ngày 20/09/2022 (trước khi tăng vốn) là 31.639.996 cổ phần

(\*\*) Tỷ lệ được tính dựa trên số cổ phiếu đang lưu hành sau ngày 20/09/2022 (sau khi tăng vốn) là 33.139.996 cổ phần

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Chi tiết nêu tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022

Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Là một công ty niêm yết, Ban lãnh đạo luôn chủ động cập nhật, tìm hiểu và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và các thông lệ tốt về quản trị công ty. Trong năm 2022, Công ty đã sửa đổi Điều lệ công ty do tăng vốn điều lệ từ đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty theo Luật doanh nghiệp 2020.

Tăng cường hoạt động công bố thông tin của doanh nghiệp: Hội đồng quản trị ban hành Quy chế công bố thông tin để bảo đảm mọi thông tin liên quan đến hoạt động của công ty được công bố một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ theo quy định pháp lý hiện hành. Thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như tình hình hoạt động được cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp. Trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp có mục Góp ý, liên hệ giúp cho cổ đông cũng như nhà đầu tư trên thị trường có thể dễ dàng liên hệ trao đổi với Ban lãnh đạo của Công ty.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hiệu quả, kịp thời: Hội đồng quản trị đã định kỳ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ các quy định liên quan như: công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng, tài liệu họp, thông tin của các ứng cử viên thành viên HĐQT và Biên bản, Nghị quyết họp ĐHĐCĐ. Việc tổ chức họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định và tạo điều kiện thuận tiện cho các cổ đông có thể tham gia, đóng góp ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp.

Đảm bảo đối xử tôn trọng bình đẳng với tất cả các cổ đông của doanh nghiệp: HĐQT cũng như Ban lãnh đạo luôn cố gắng đảm bảo quyền của cổ đông được thực hiện đầy đủ. Ngay khi kết quả kinh doanh được cải thiện và hoạt động kinh doanh có lãi, Công ty đã tiến hành việc chi trả cổ tức cho cổ đông.

Công ty đã tập trung nâng cao sự công bằng, minh bạch trong quá trình quản trị công ty, bảo đảm luôn tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty; đồng thời, phù hợp với chiến lược và thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp nhằm hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã thông qua.



# 07

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với môi trường  
Chế độ đối với người lao động



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG



*Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, VHE nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư, đồng thời giảm thiểu tác động xấu tới môi trường. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, Công ty chưa từng bị xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.*

Vì một mục tiêu chung bảo vệ môi trường toàn cầu VHE liên tục đưa ra các chính sách nhằm duy trì hoạt động đánh giá nguồn nước sử dụng, tác động của nước thải chất thải đến môi trường qua việc kiểm soát đầu vào (nước) và đầu ra (phát thải từ hoạt động vận hành của khối văn phòng và đặc biệt là của khối sản xuất công nghiệp. Các loại chất thải, rác thải có khả năng gây hại đến môi trường được VHE tích cực xử lý.

### Các biện pháp tiết kiệm nước được Công ty sử dụng:

- Tái sử dụng nước cho các hoạt động khác của công ty, nhà máy.
- Không sử dụng nước bồn cầu vào những mục đích khác.
- Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh tiết kiệm nước (vòi xả tự ngắt, bồn xả tự động, ...)
- Thường xuyên có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và có những biện pháp xử lý kịp thời.

## CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 tiếng. Thực hiện nghỉ vào ngày thứ 7 và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với cán bộ công nhân viên, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động là cán bộ quản lý và công nhân trực tiếp sản xuất là nhiệm vụ rất quan trọng của mọi doanh nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý của doanh nghiệp cũng cần được cập nhật kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các khóa tập huấn.

Thường xuyên tập huấn cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất nội quy của doanh nghiệp, quy định về an toàn lao động, kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm, quy trình quy phạm sản xuất thông qua hình thức đào tạo tại chỗ, kèm cặp trong quá trình sản xuất, các điển hình tiên tiến, ... hoặc tại các trường công nhân kỹ thuật. Xây dựng cơ chế cho phép thuê các chuyên gia kỹ thuật, các chuyên gia thiết kế bên ngoài nhằm giải quyết các khó khăn trong việc thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, am hiểu kỹ thuật, công nghệ, thị trường, thị hiếu của thị trường nước ngoài hoặc trong điều hành các dự án mới.

Ngoài những chính sách và chế độ trên, trong năm 2021 Công ty đã có những hành động thiết thực đảm bảo an sinh phúc lợi của người lao động như sau:

Đặc biệt, trong năm 2022 Công ty có thêm những chính sách khác nhằm khích lệ, tăng thêm động lực và sự gắn kết của người lao động với công ty như sau:

- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty với số lượng cổ phiếu phát hành 1.500.000 cổ phiếu tương ứng với giá trị 15.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá.
- Bên cạnh mức lương cơ bản, người lao động được nhận thêm các loại phụ cấp trách nhiệm, chuyên cần nên mức lương trung bình được tăng lên.



## Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Một trong những yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp phát triển bền vững là thực hiện tốt các trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương. Hiểu được tầm quan trọng của việc phải có trách nhiệm đối với các hoạt động của mình, Công ty luôn nỗ lực trong việc tham gia đóng góp vào các hoạt động của cộng đồng, san sẻ khó khăn với địa phương và tham gia các chương trình tặng quà, từ thiện cho cộng đồng. Một số chương trình cụ thể Công ty đã thực hiện được trong năm 2022 như sau:

STT	Tên hoạt động trong năm 2021	Giá trị đóng góp
1	Ủng hộ chương trình tiếp sức mùa thi THPT Quốc gia tại điểm thi Trường THPT Đan Phượng	10.000.000
2	Ủng hộ Trường PTDTBT TH&THCS Xà Hồ, Trạm Tấu, Yên Bái thông qua Tạp chí kinh tế Chứng khoán	35.000.000





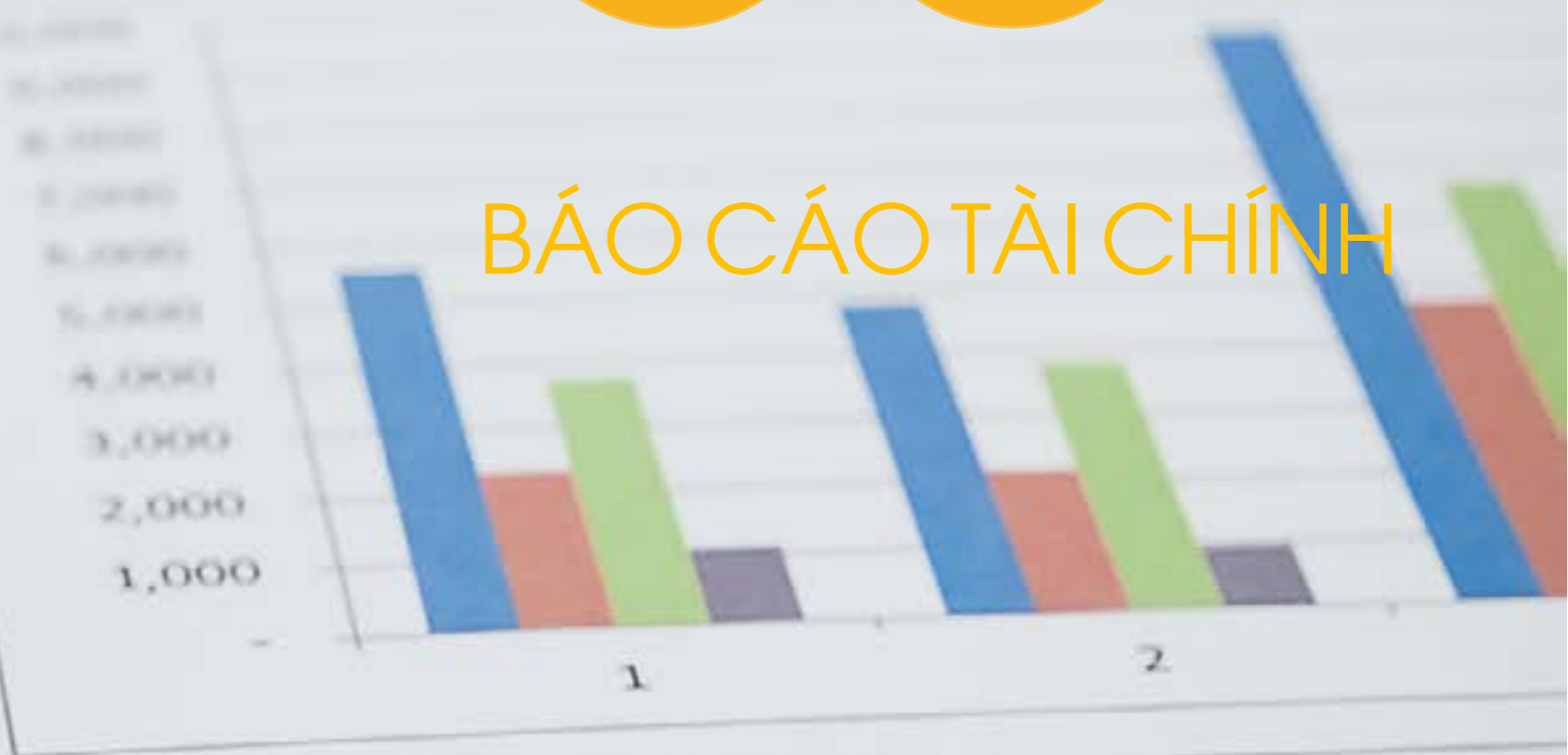
# 08

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH



11,798	11,898	10,897
8,163	15,197	11,281
332	548	480
8,239	8,497	15,545
1,615	1,863	3,183
\$ 6,634	\$ 12,36	12,044

\$ 0.47	\$ 1.41
\$ 1.46	\$ 1.39
8,397	8,555
8,489	8,646
0.16	\$ 0.40
\$ 0.32	



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Tháng 02 năm 2023

### BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch	
Bà Lê Thị Mai	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26/04/2022
Ông Phạm Công Thành	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26/04/2022
Ông Trần Nhật Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2022
Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Tài Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên	

##### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Công Thành	Giám đốc Tài chính	Từ nhiệm ngày 20/06/2022

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này ông Bùi Tiến Vinh, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định rằng: không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

### BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban lãnh đạo cam kết rằng: Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban lãnh đạo,



Bùi Tiến Vinh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17/02/2023, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 27 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, mô tả việc điều chỉnh hồi tố khoản bị truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020 và năm 2021 theo Quyết định số 43140/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC ngày 31/08/2022 của Cục Thuế thành phố Hà Nội. Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Phạm Gia Đạt**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
0798-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

**Nguyễn Văn Hải**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
1395-2023-112-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội      Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>318.793.791.538</b>	<b>328.549.326.718</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	145.124.624	10.211.870.366
Tiền	111		145.124.624	10.211.870.366
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.875.896.642	8.050.464.791
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.711.354.497	7.113.253.461
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	142.942.140	810.291.730
Các khoản phải thu khác	136		21.600.005	126.919.600
Hàng tồn kho	140	8	301.989.742.016	305.222.019.036
Hàng tồn kho	141		302.549.373.024	305.222.019.036
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(559.631.008)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		783.028.256	2.064.972.525
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	73.156.591	100.866.988
Thuế GTGT được khấu trừ	152		709.871.665	1.964.105.537
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>61.824.595.498</b>	<b>68.689.503.567</b>
Tài sản cố định	220		61.615.631.105	68.444.679.552
Tài sản cố định hữu hình	221	11	44.765.339.270	51.540.863.901
- Nguyên giá	222		70.680.014.816	70.615.014.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.914.675.546)	(19.074.150.915)
Tài sản cố định vô hình	227	10	16.850.291.835	16.903.815.651
- Nguyên giá	228		17.055.346.648	17.055.346.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(205.054.813)	(151.530.997)
Tài sản dài hạn khác	260		208.964.393	244.824.015
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	208.964.393	244.824.015
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>380.618.387.036</b>	<b>397.238.830.285</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**      **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội      Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>48.162.614.682</b>	<b>73.626.307.494</b>
Nợ ngắn hạn	310		44.378.051.457	68.869.639.897
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.079.890.404	1.346.403.713
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		334.296.533	474.003.925
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.253.883.492	1.098.267.365
Phải trả người lao động	314		336.513.719	457.055.128
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		478.573.051	85.123.925
Phải trả ngắn hạn khác	319		17.762.886	35.613.469
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	37.877.131.372	65.373.172.372
Nợ dài hạn	330		3.784.563.225	4.756.667.597
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	3.784.563.225	4.756.667.597
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>332.455.772.354</b>	<b>323.612.522.791</b>
Vốn chủ sở hữu	410	15	332.455.772.354	323.612.522.791
Vốn góp của chủ sở hữu	411		331.400.000.000	316.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		331.400.000.000	316.400.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(418.000.000)	(330.000.000)
Cổ phiếu quỹ	415		(40.000)	(40.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.473.812.354	7.542.562.791
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		42.562.791	5.566.304.233
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.431.249.563	1.976.258.558
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>380.618.387.036</b>	<b>397.238.830.285</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Thị Hải Hội  
Người lập biểu

Phạm Thị Anh  
Kế toán trưởng

Bùi Tiên Vinh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	265.381.476.519	231.110.141.687
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	57.008.087	467.364.836
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>265.324.468.432</b>	<b>230.642.776.851</b>
Giá vốn hàng bán	11	18	254.102.752.024	197.316.237.982
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>11.221.716.408</b>	<b>33.326.538.869</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	74.052.178	110.143.441
Chi phí tài chính	22	20	4.318.757.757	5.293.844.973
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.303.059.829</i>	<i>5.288.605.514</i>
Chi phí bán hàng	25	21	1.349.585.068	22.305.395.199
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.555.716.133	2.935.681.520
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.071.709.628</b>	<b>2.901.760.618</b>
Thu nhập khác	31		73.305.721	19.812.178
Chi phí khác	32		287.956.147	223.572.032
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(214.650.426)</b>	<b>(203.759.854)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.857.059.202</b>	<b>2.698.000.764</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	425.809.639	721.742.206
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.431.249.563</b>	<b>1.976.258.558</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	44	113

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Thị Hải Hội  
Người lập biểu

Phạm Thị Ánh  
Kế toán trưởng

Bùi Tiến Vinh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>1.857.059.202</i>	<i>2.698.000.764</i>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.894.048.447	6.614.047.967
Các khoản dự phòng	03		559.631.008	(282.179.344)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(15.967.153)	2.436.404
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(43.565.341)	(108.576.030)
Chi phí lãi vay	06		4.303.059.829	5.288.605.514
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>13.554.265.992</i>	<i>14.212.335.275</i>
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(6.660.192.943)	5.163.667.077
Tăng giảm hàng tồn kho	10		2.672.646.012	(170.885.698.828)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.107.539.566	(3.399.906.370)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		63.570.019	133.141.894
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.301.615.246)	(5.310.860.664)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(530.341.228)	(216.639.610)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>7.905.872.172</i>	<i>(160.303.961.226)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(65.000.000)	(2.141.028.157)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		148.277.669	108.576.030
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>3.083.277.669</i>	<i>(5.032.452.127)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		7.412.000.000	157.857.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		67.463.874.000	145.928.093.601
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.932.019.372)	(138.681.048.670)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(21.056.145.372)</i>	<i>165.104.044.931</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(10.066.995.531)</b>	<b>(232.368.422)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>10.211.870.366</b>	<b>10.444.286.455</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		249.789	(47.667)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>145.124.624</b>	<b>10.211.870.366</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Thị Hải Hội  
Người lập biểu

Phạm Thị Ánh  
Kế toán trưởng

Bùi Tiến Vinh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 25/04/2016, thay đổi lần thứ 7 ngày 03/10/2022.

Trụ sở giao dịch của Công ty đặt tại số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

**Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:**

- Bán buôn thực phẩm
- Bán buôn đồ uống
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:
  - + Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - + Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - + Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh
  - + Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh
  - + Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ đóng gói
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Chế biến và bảo quản rau quả
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất thực phẩm chức năng; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

**Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là**

- Xuất khẩu, kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu.
- Sản xuất thực phẩm có lợi cho sức khỏe.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**4.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	22
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 07
- Phần mềm quản lý	05 - 06

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính.

Quyền sử dụng đất của Công ty sử dụng lâu dài nên không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

**4.7 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**4.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn**

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

**4.13 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Trong đó:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4.14 THUẾ**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	80.671.979	357.880.257
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	64.452.645	9.853.990.109
	<b>145.124.624</b>	<b>10.211.870.366</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>15.711.354.497</b>	<b>7.113.253.461</b>
- Công ty Cổ phần SENSPICES Việt Nam	-	682.072.000
- Công ty Cổ phần HTC HOLDING	-	1.202.500.000
- M/S PAK AFGHAN IMPEX	300.713.560	1.597.352.723
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Mạnh Cường	-	3.120.000.000
- Công ty Cổ phần Việt Hà SPICES	1.933.050.000	-
- Công ty Cổ phần APEX Đại Việt	11.215.925.000	-
- Công Ty TNHH TM và Sản xuất Tuấn Minh	2.003.040.000	-
- Các khách hàng khác	258.625.937	511.328.738

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>142.942.140</b>	<b>810.291.730</b>
- Công ty liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	22.468.740	764.568.946
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại SAKAE	100.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	20.473.400	45.722.784

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	13.417.978.323	-	2.890.703.341	-
- Công cụ, dụng cụ	159.801.960	-	141.989.160	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.620.000.000	-	-	-
- Thành phẩm	2.301.160.482	-	1.074.063.235	-
- Hàng hoá	285.050.432.259	(559.631.008)	301.115.263.300	-
	<b>302.549.373.024</b>	<b>(559.631.008)</b>	<b>305.222.019.036</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>73.156.591</b>	<b>100.866.988</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.041.665	21.311.318
- Chi phí trả trước khác	71.114.926	79.555.670
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>208.964.393</b>	<b>244.824.015</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	166.369.055	170.379.892
- Chi phí trả trước khác	42.595.338	74.444.123

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
01/01/2022	16.752.727.600	302.619.048	17.055.346.648
31/12/2022	16.752.727.600	302.619.048	17.055.346.648
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
01/01/2022	-	151.530.997	151.530.997
- Khấu hao trong năm	-	53.523.816	53.523.816
31/12/2022	-	205.054.813	205.054.813
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
01/01/2022	16.752.727.600	151.088.051	16.903.815.651
31/12/2022	16.752.727.600	97.564.235	16.850.291.835

Tại ngày 31/12/2022:

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 16.752.727.600 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	12.104.989.844	53.365.636.540	3.429.023.637	1.715.364.795	70.615.014.816
- Mua trong năm	-	65.000.000	-	-	65.000.000
31/12/2022	12.104.989.844	53.430.636.540	3.429.023.637	1.715.364.795	70.680.014.816
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2022	1.759.395.732	15.306.963.142	1.237.583.985	770.208.056	19.074.150.915
- Khấu hao trong năm	667.138.560	5.369.279.319	544.930.236	259.176.516	6.840.524.631
31/12/2022	2.426.534.292	20.676.242.461	1.782.514.221	1.029.384.572	25.914.675.546
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2022	10.345.594.112	38.058.673.398	2.191.439.652	945.156.739	51.540.863.901
31/12/2022	9.678.455.552	32.754.394.079	1.646.509.416	685.980.223	44.765.339.270

Tại ngày 31/12/2022:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.627.273 đồng
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 31.983.021.388 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.079.890.404</b>	<b>4.079.890.404</b>	<b>1.346.403.713</b>	<b>1.346.403.713</b>
- Công ty TNHH Công nghiệp Tân Vương	418.000.000	418.000.000	418.000.000	418.000.000
- Bà Phùng Thị Toán	-	-	256.157.763	256.157.763
- Ông Vũ Đình Khiêm	2.190.000.000	2.190.000.000	153.611.164	153.611.164
- Công ty Cổ phần NUTS HOUSE	284.407.200	284.407.200	180.306.000	180.306.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất khẩu Quế hồi Việt Nam	492.078.000	492.078.000	-	-
- Hợp Tác Xã Quế Hồi Việt Nam	400.800.000	400.800.000	-	-
- Các đối tượng khác	294.605.204	294.605.204	338.328.786	338.328.786

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2022	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>1.098.267.365</b>	<b>2.585.399.861</b>	<b>2.585.399.861</b>	<b>2.429.783.734</b>	<b>1.253.883.492</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	1.819.945.361	1.819.945.361	1.819.945.361	-	-	-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.075.353.637	425.882.673	425.882.673	530.341.228	970.895.082	-	-	
- Thuế thu nhập cá nhân	22.913.728	104.007.208	104.007.208	74.633.127	52.287.809	-	-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	235.564.619	235.564.619	4.864.018	230.700.601	-	-	



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**  
Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>37.877.131.372</b>	<b>37.877.131.372</b>	<b>68.435.978.372</b>	<b>95.932.019.372</b>	<b>65.373.172.372</b>	<b>65.373.172.372</b>
- Vay ngắn hạn	36.905.027.000	36.905.027.000	67.463.874.000	92.703.371.000	62.144.524.000	62.144.524.000
+ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu - CN Hà Nội (1)	2.900.960.000	2.900.960.000	8.994.006.000	11.587.616.000	5.494.570.000	5.494.570.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức (2)	21.587.600.000	21.587.600.000	34.497.948.000	57.331.485.000	44.421.137.000	44.421.137.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội (3)	10.960.467.000	10.960.467.000	22.515.920.000	22.324.270.000	10.768.817.000	10.768.817.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long (4)	1.456.000.000	1.456.000.000	1.456.000.000	1.460.000.000	1.460.000.000	1.460.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	972.104.372	972.104.372	972.104.372	3.228.648.372	3.228.648.372	3.228.648.372
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức	-	-	-	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội (5)	831.692.000	831.692.000	831.692.000	1.188.236.000	1.188.236.000	1.188.236.000
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (6)	140.412.372	140.412.372	140.412.372	140.412.372	140.412.372	140.412.372



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	3.784.563.225	3.784.563.225	-	972.104.372	4.756.667.597	4.756.667.597
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội (5)	3.784.563.225	3.784.563.225	-	972.104.372	4.756.667.597	4.756.667.597
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội (5)	2.942.089.000	2.942.089.000	-	831.692.000	3.773.781.000	3.773.781.000
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (6)	842.474.225	842.474.225	-	140.412.372	982.886.597	982.886.597

**Thông tin chi tiết về các khoản vay**

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-220107828 ngày 16/12/2022. Hạn mức cấp tín dụng 5.400.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh mặt hàng quế, hồi, nông sản các loại. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, và thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là trị giá quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 191522 ngày 27/03/2019 tại Văn phòng công chứng Việt Thành phố Hà Nội.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoài Đức theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2022/10162562/HĐTD ngày 14/11/2022. Hạn mức cấp tín dụng 23.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Thời hạn cho vay và lãi suất quy định trên các hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất tại số 277 Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội của Công ty.

22

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội theo:

+ Hợp đồng tín dụng số 0038/2022/HĐTD-OCB-CIB1 ngày 06/10/2022 với hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa là 10.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, hạn mức chiết khấu là 10.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh tiêu, quế, hồi và nước uống thảo dược. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Lãi suất và thời hạn vay được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, nhưng tối đa không quá 6 tháng. Tài sản đảm bảo gồm các quyền sử dụng đất quy định cụ thể trên hợp đồng.

+ Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0039/2022/HĐTDMH ngày 06/10/2022, hạn mức thấu chi: 1.000.000.000 đồng, thời hạn thấu chi không quá 12 tháng kể từ ngày thấu chi, lãi suất theo quy định hiện hành của Ngân hàng trong từng thời kỳ, mục đích tiền vay thấu chi: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiêu, quế, hồi và nước uống thảo dược. Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất quy định cụ thể trên hợp đồng.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 669/2021/HĐTD/MDH/01 ngày 05/08/2022 với hạn mức cho vay ngắn hạn tối đa 3.000.000.000 VND với mục đích "Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh". Thời hạn vay tối đa không quá 09 tháng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 0020/2020/HĐTD-OCB-DN ngày 11/05/2020 dùng để đầu tư, mua sắm hệ thống dây truyền sản xuất nước uống thảo dược dạng lon và hệ thống dây truyền sản xuất nước uống thảo dược dạng đóng túi theo hợp đồng mua bán thiết bị số 2503/2020/HĐMB/ATTP&TPVN ngày 25/03/2020. Thời hạn vay: 84 tháng. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số bất động sản quy định cụ thể trong hợp đồng và tài sản được hình thành từ khoản vay là hệ thống dây truyền sản xuất.

(6) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/CG/HĐTD/2021/CONGTYPDUOCLIEU VATHUCPHAMVN ngày 02/12/2021 dùng để thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng số: 1032/T10/2021/HĐMB-KIAPVD ký ngày 11/10/2021. Thời hạn vay 96 tháng. Lãi suất cố định 7,4%/năm, việc trả nợ gốc được chia đều theo kỳ hạn trả nợ gốc, lãi được tính trên dư nợ gốc thực tế. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là phương tiện vận tải được hình thành từ khoản vay.

23

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	316.400.000.000	158.400.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	15.000.000.000	158.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	331.400.000.000	316.400.000.000

**15.2 CỔ PHIẾU**

	31/12/2022 CP	01/01/2022 CP
- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	33.140.000	31.640.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	33.140.000	31.640.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.140.000	31.640.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	4	4
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4	4
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.139.996	31.639.996
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.139.996	31.639.996

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND			VND	VND	
<b>01/01/2021</b>							
- Tăng vốn trong năm	158.400.000.000	(187.000.000)		(40.000)	5.566.304.233	163.779.264.233	
- Lãi trong năm	158.000.000.000	(143.000.000)			1.976.258.558	157.857.000.000	
<b>31/12/2021</b>	<b>316.400.000.000</b>	<b>(330.000.000)</b>		<b>(40.000)</b>	<b>7.542.562.791</b>	<b>323.612.522.791</b>	
<b>01/01/2022</b>							
- Lãi trong năm	15.000.000.000	(88.000.000)			1.431.249.563	1.431.249.563	
- Tăng vốn trong năm (*)	331.400.000.000	(418.000.000)		(40.000)	1.473.812.354	332.455.772.354	
<b>31/12/2022</b>	<b>331.400.000.000</b>	<b>(418.000.000)</b>		<b>(40.000)</b>	<b>1.473.812.354</b>	<b>332.455.772.354</b>	

(\*): Theo Nghị quyết số 2806/2022-NQ/HĐQT ngày 28/06/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam thông qua triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 2604/NQ-ĐHĐCĐ/VHE ngày 26/04/2022; Công ty phát hành 1.500.000 cổ phiếu (giá trị theo mệnh giá là 15.000.000.000 đồng) tương ứng 4,74% tổng số cổ phiếu đang lưu hành, trong đó 750.000 cổ phiếu phát hành thường cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021, 750.000 cổ phiếu phát hành theo hình thức người lao động nộp tiền mua, đổi tượng phát hành là các bộ quản lý của Công ty và cán bộ nhân viên có đóng góp xuất sắc do Hội đồng quản trị quyết định. Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ người lao động là 7.500.000.000 đồng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>265.381.476.519</b>	<b>231.110.141.687</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	243.090.728.000	211.748.768.136
- Doanh thu bán thành phẩm	21.626.124.904	18.586.094.403
- Doanh thu bán vật liệu, gia công	664.623.615	775.279.148

**17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	57.008.087	467.364.836
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	2.510.199	181.725.768
+ Hàng bán bị trả lại	54.497.888	285.639.068

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn bán hàng hóa	238.926.458.040	181.991.861.742
- Giá vốn thành phẩm	14.022.321.804	15.027.550.929
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	559.631.008	(282.179.344)
- Giá vốn bán vật liệu, gia công	594.341.172	579.004.655
	<b>254.102.752.024</b>	<b>197.316.237.982</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.565.341	108.576.030
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	14.519.684	1.567.411
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	15.967.153	-
	<b>74.052.178</b>	<b>110.143.441</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	4.303.059.829	5.288.605.514
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.697.928	2.803.055
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	2.436.404
	<b>4.318.757.757</b>	<b>5.293.844.973</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>3.555.716.133</b>	<b>2.935.681.520</b>
- Nguyên vật liệu	1.800.000	15.532.860
- Nhân viên quản lý	1.628.330.817	1.173.407.741
- Khấu hao tài sản cố định	694.463.808	461.403.275
- Dụng cụ đồ dùng văn phòng	104.197.829	345.385.296
- Thuế phí lệ phí	47.380.784	96.627.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	458.003.148	388.453.870
- Chi phí khác bằng tiền	621.539.747	454.871.222
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>1.349.585.068</b>	<b>22.305.395.199</b>
- Nguyên vật liệu	3.787.200	37.240.000
- Chi phí nhân viên	609.077.270	1.200.477.023
- Dụng cụ đồ dùng	28.118.012	94.384.299
- Khấu hao tài sản cố định	34.266.588	34.266.588
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.123.175	20.676.356.969
- Chi phí khác bằng tiền	76.212.823	262.670.320
	<b>4.905.301.201</b>	<b>25.241.076.719</b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.857.059.202</b>	<b>2.698.000.764</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>287.956.147</b>	<b>203.705.376</b>
- Các khoản phạt chậm nộp, vi phạm hành chính	237.194.095	121.828.483
- Chi phí không hợp lý khác	50.762.052	81.876.893
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>15.967.153</b>	<b>-</b>
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	15.967.153	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.129.048.196</b>	<b>2.901.706.140</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>425.809.639</b>	<b>580.341.228</b>
Chi phí thuế TNDN truy thu	-	141.400.978
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>425.809.639</b>	<b>721.742.206</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.431.249.563	1.976.258.558
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.431.249.563	1.976.258.558
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.602.030	17.522.106
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>44</b>	<b>113</b>

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty áp dụng việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên nhóm ngành kinh doanh chính của Công ty.

Chỉ tiêu	Bán hàng nông sản	Bán nước uống thảo dược	Doanh thu khác	Tổng cộng
Doanh thu bán ra	243.090.728.000	21.626.124.904	664.623.615	265.381.476.519
Giảm trừ doanh thu	-	57.008.087	-	57.008.087
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>243.090.728.000</b>	<b>21.569.116.817</b>	<b>664.623.615</b>	<b>265.324.468.432</b>
Giá vốn hàng bán	238.926.458.040	14.581.952.812	594.341.172	254.102.752.024
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>4.164.269.960</b>	<b>6.987.164.005</b>	<b>70.282.443</b>	<b>11.221.716.408</b>

**25. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch
Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	Thế chấp một số Bất động sản để đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội
Bà Bùi Thị Hồng Dung	Vợ Chủ tịch HĐQT	Thế chấp Bất động sản để đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội
Bà Nguyễn Thị Mùi	Mẹ Chủ tịch HĐQT	Thế chấp một số Bất động sản để đảm bảo khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Hà Nội

**THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND	
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>450.484.576</b>	<b>251.853.493</b>	
- Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	144.890.663	47.950.000
- Ông Trần Nhật Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	125.317.697	-
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị	180.276.216	203.903.493
- Ông Nguyễn Tài Đức	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
- Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-
<b>Ban Giám đốc</b>	<b>180.276.216</b>	<b>203.903.493</b>	
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Tổng Giám đốc	180.276.216	203.903.493
- Ông Phạm Công Thành	Giám đốc Tài chính	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán. Trong năm 2022, Công ty đã điều chỉnh hồi tố khoản bị truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020 và năm 2021 với số tiền lần lượt là 403.684.465 đồng và 141.400.978 đồng theo Quyết định số 43140/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC ngày 31/08/2022 của Cục Thuế thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, Công ty cũng trình bày lại số lượng cổ phiếu bình quân năm 2021 do phát hành 750.000 cổ phiếu thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:


**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 01/01/2022**


Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>73.081.222.051</b>	<b>73.626.307.494</b>	<b>545.085.443</b>
Nợ ngắn hạn	310	68.324.554.454	68.869.639.897	545.085.443
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	553.181.922	1.098.267.365	545.085.443
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>324.157.608.234</b>	<b>323.612.522.791</b>	<b>(545.085.443)</b>
Vốn chủ sở hữu	410	324.157.608.234	323.612.522.791	(545.085.443)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8.087.648.234	7.542.562.791	(545.085.443)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	5.969.988.698	5.566.304.233	(403.684.465)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	2.117.659.536	1.976.258.558	(141.400.978)

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021**

Chỉ tiêu	Mã số	Trước điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-) VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	580.341.228	721.742.206	141.400.978
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.117.659.536	1.976.258.558	(141.400.978)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	125	113	(12)

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2023

  
Nguyễn Thị Hải Hội  
Người lập biểu

  
Phạm Thị Ánh  
Kế toán trưởng

  
Bùi Tiến Vinh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị